

**NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Về việc triển khai thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

Căn cứ:

- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI;
- Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/12/2023 của Đại hội đồng cổ đông Công ty ("Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ");
- Biên bản tổng hợp ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị ngày 16/4/2024;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc triển khai Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ, cụ thể như sau:

I. Tổng số lượng cổ phần phát hành

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
Mã chứng khoán	: SSI
Loại cổ phần	: Cổ phần phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phần
Số lượng cổ phần phát hành	Tối đa 453.339.040 cổ phần
Trong đó:	

- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: Tối đa 302.226.027 cổ phần
- Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua: Tối đa 151.113.013 cổ phần



II. Phương án phát hành và chào bán chi tiết như sau:

1. Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

1.	Số lượng cổ phần phát hành	Tối đa 302.226.027 cổ phần Số lượng cổ phần phát hành căn cứ theo tỷ lệ thực hiện quyền trên số lượng cổ phần đang lưu hành của Công ty và thực hiện theo phương pháp làm tròn xuống.
2.	Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	Tối đa 3.022.260.270.000 đồng
3.	Tỷ lệ thực hiện quyền	100:20 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 100 quyền sẽ được nhận thêm 20 cổ phần mới).
4.	Đối tượng phát hành	Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty tại ngày chốt danh sách cổ đông để phát hành.
5.	Nguồn vốn sử dụng	Nguồn vốn cần sử dụng là 3.022.260.270.000 đồng trong đó 58.252.419.507 đồng trích từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và 2.964.007.850.493 đồng trích từ Thặng dư vốn cổ phần.
6.	Nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý phần lẻ cổ phần	Sau khi nhân với tỷ lệ thực hiện quyền, số lượng cổ phần phát hành sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ. Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 204 cổ phần, với tỷ lệ thực hiện quyền 100:20 thì số cổ phần mà cổ đông A nhận được là: $(204 \times 20) / 100 = 40,8$ cổ phần. Theo nguyên tắc làm tròn trên, số cổ phần mới mà cổ đông A được nhận là 40 cổ phần. Số cổ phần lẻ (0,8 cổ phần) sẽ được hủy bỏ.
7.	Hạn chế chuyển nhượng	Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng
8.	Thời gian dự kiến phát hành	Trong năm 2024, cùng thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua thêm cổ phiếu của đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và sau khi nhận được chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
9.	Phương thức phân phối	Cổ đông làm thủ tục nhận cổ phiếu được phân phối từ nguồn vốn chủ sở hữu theo quy định của Tổng công ty

		<p>Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (đối với cổ phiếu lưu ký) hoặc tại Trụ sở chính Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI – 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh (đối với cổ phiếu chưa lưu ký).</p> <p>Khi đến thực hiện thủ tục, xuất trình bản chính Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần và Giấy tờ pháp lý của cá nhân/tổ chức.</p>
10.	Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài	<p>Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại SSI là 100%. Vì vậy, Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu khi được phân phối cổ phiếu theo Phương án phát hành.</p>

2. Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua

1.	Số lượng cổ phần chào bán	<p>Tối đa 151.113.013 cổ phần</p> <p>Số lượng cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu căn cứ theo tỷ lệ chào bán trên số lượng cổ phần đang lưu hành của Công ty và thực hiện theo phương pháp làm tròn xuống</p>
2.	Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá	Tối đa 1.511.130.130.000 đồng
3.	Giá chào bán	15.000 (Mười lăm nghìn) đồng/cổ phần
4.	Tỷ lệ thực hiện quyền	100:10 (Tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 100 quyền được mua 10 cổ phần mới).
5.	Phương thức chào bán	Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.
6.	Đối tượng chào bán	Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm.
7.	Chuyển nhượng quyền mua	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho bên khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận

		<p>chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho bên thứ ba). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.</p> <p>Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông A sở hữu 200 cổ phần, sẽ được hưởng 200 quyền mua. Cổ đông A có thể chuyển nhượng 100 quyền mua cho nhà đầu tư B và chuyển nhượng 100 quyền mua cho nhà đầu tư C. Nhà đầu tư B và C không được chuyển nhượng tiếp quyền mua cho bên thứ ba.</p>
8.	Nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ	<p>Đối với phần lẻ cổ phần (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá số lượng chào bán, số lượng cổ phần chào bán thêm mà cổ đông sở hữu quyền được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) sẽ được làm tròn xuống thành 0 cổ phần.</p> <p>Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông A sở hữu 202 cổ phần, sẽ được hưởng 202 quyền mua. Khi đó, số cổ phần chào bán thêm cổ đông A được mua như sau: $(202 \times 10) / 100 = 20,2$ cổ phần. Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phần mà Cổ đông A được quyền mua là 20 cổ phần.</p>
9.	Phương thức xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết	<p>Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu (gồm số cổ phần phát sinh ra do làm tròn, số cổ phần còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua và số cổ phần còn dư chưa được phát hành do các nguyên nhân khác) sẽ được HĐQT chào bán cho các Nhà đầu tư khác (bao gồm các cổ đông hiện hữu khác) với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu hoặc chấm dứt đợt chào bán theo quyết định của HĐQT.</p> <p>Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT quyết định tiêu chí và lựa chọn Nhà đầu tư khác có nhu cầu mua cổ phần còn lại chưa phân phối hết như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. - Là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (bao gồm cổ đông hiện hữu và/hoặc người lao động trong

		<p>Công ty) có tiềm lực tài chính mạnh, có năng lực chuyên môn, trình độ công nghệ và kinh nghiệm phù hợp với ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc có khả năng hỗ trợ hiệu quả cho Công ty trong quá trình phát triển, cam kết hợp tác với Công ty.</p> <p>Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật (bao gồm thời gian gia hạn nếu có) mà cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán.</p>
10.	Hạn chế chuyển nhượng	<p>Cổ phần chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.</p> <p>Cổ đông hiện hữu đang sở hữu cổ phần đang trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phần. Số lượng cổ phần mua thêm từ quyền mua không bị hạn chế chuyển nhượng.</p> <p>Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu khi được chào bán cho Nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định.</p>
11.	Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu	Không áp dụng
12.	Thời gian dự kiến chào bán	Trong năm 2024, cùng thời điểm chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu và sau khi nhận được chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
13.	Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại SSI là 100%. Vì vậy, Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu khi được phân phối cổ phiếu theo Phương án chào bán.

Chi tiết các nội dung khác theo Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ ngày 20/11/2023 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/12/2023 và Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ.

III. Thông qua Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tối đa là 2.266.695.195.000 đồng được sử dụng cho các mục đích sau:

- Bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư chứng chỉ tiền gửi: 50% (năm mươi phần trăm và làm tròn đến tỷ đồng);
- Bổ sung vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ: 50% (năm mươi phần trăm) còn lại.

IV. Thông qua việc đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và niêm yết chứng khoán bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đối với toàn bộ số lượng cổ phần đã chào bán, phát hành của Công ty theo đúng quy định của pháp luật

Hội đồng quản trị cam kết sẽ thực hiện thủ tục nêu trên ngay sau khi hoàn tất đợt chào bán, phát hành.

Điều 2: Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định các công việc và ký các hồ sơ, văn bản, tài liệu có liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn:

1. Quyết định cụ thể thời gian thực hiện chào bán, phát hành;
2. Quyết định tài khoản phong tỏa để nhận tiền mua cổ phiếu từ đợt chào bán;
3. Quyết định Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông và thực hiện thủ tục chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua;
4. Thực hiện thủ tục phân phối cổ phiếu chào bán, phát hành theo các phương án chào bán, phát hành;
5. Sửa đổi Điều lệ Công ty tăng vốn điều lệ và thực hiện các công việc, thủ tục pháp lý cần thiết để thay đổi vốn điều lệ trong Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần thực tế chào bán, phát hành;
6. Triển khai thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết cũng như ký các hồ sơ, văn bản, tài liệu có liên quan theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền để hoàn tất đợt phát hành, chào bán cổ phiếu; đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và niêm yết chứng khoán bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đối với toàn bộ số lượng cổ phần đã chào bán, phát hành của Công ty theo đúng quy định của pháp luật;
7. Quyết định tỷ lệ phân bổ đối với toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán;
8. Quyết định tất cả các vấn đề khác liên quan đến việc chào bán, phát hành cổ phiếu, đăng ký, lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu;
9. Thực hiện xử lý cổ phiếu lẻ, phần lẻ cổ phần, cổ phiếu mà cổ đông từ chối mua;
10. Quyết định phương án sử dụng vốn cụ thể và chủ động điều chỉnh về việc sử dụng nguồn vốn thu được, thời điểm giải ngân nguồn vốn, mục đích sử dụng vốn trong trường hợp cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty;

11. Quyết định việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh nội dung các tài liệu có liên quan phù hợp với quy định của pháp luật;
12. Các nội dung ủy quyền khác được nêu cụ thể tại Nghị quyết này.

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thành viên Hội đồng quản trị, các bộ phận, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT, BTGD;
- Lưu.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Nguyễn Duy Hưng



Số: 08/2024/NQ-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Về việc thông qua danh mục Hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

Căn cứ:

- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI;
- Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/12/2023 của Đại hội đồng cổ đông Công ty;
- Biên bản tổng hợp ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị ngày 16/4/2024;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua danh mục Hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI nộp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại Điều 12 và Điều 63 của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 2: Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh nội dung Hồ sơ đăng ký chào bán, phát hành và các tài liệu khác có liên quan phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thành viên Hội đồng quản trị, các bộ phận, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT, BTGD;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Duy Hưng



Danh mục Hồ sơ
đăng ký phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và
chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua
(Đính kèm Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐQT ngày 16/4/2024 của Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI)

Hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua của Công ty bao gồm:

1. Giấy đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 500/2024/CV-SSIHO ngày 16/4/2024;
2. Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng ngày 16/4/2024;
3. Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty;
4. Điều lệ Công ty;
5. Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/12/2023 và Biên bản kiểm phiếu ngày 20/12/2023 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI;
6. Tờ trình Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua ngày 20/11/2023;
7. Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2024/NQ-HĐQT ngày 16/4/2024 thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua;
8. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kiểm toán năm 2022 và 2023;
9. Văn bản xác nhận của Ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu từ đợt chào bán;
10. Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, phát hành cổ phiếu gần nhất;
11. Văn bản ủy quyền ký báo cáo tài chính của công ty kiểm toán;
12. Văn bản cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
13. Văn bản cam kết thực hiện niêm yết bổ sung sau khi kết thúc đợt chào bán;
14. Các tài liệu khác được trình bày trong hồ sơ chào bán, phát hành hoặc có liên quan đến đợt chào bán, phát hành hoặc các tài liệu giải trình, bổ sung khác (nếu có) theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước.



**NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Về việc cập nhật hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

Căn cứ:

- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI;
- Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/12/2023 của Đại hội đồng cổ đông;
- Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông;
- Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐQT ngày 16/4/2024 của Hội đồng quản trị;
- Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐQT ngày 16/4/2024 của Hội đồng quản trị;
- Biên bản tổng hợp ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị ngày 02/7/2024;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc thực hiện Khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty và cập nhật Hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu theo danh sách đính kèm.

Điều 2: Bổ sung mục III Điều 1 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐQT ngày 16/4/2024 của Hội đồng quản trị như sau: "Thời gian sử dụng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là tối đa một tháng kể từ ngày UBCKNN có thông báo nhận được báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty."

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thành viên Hội đồng quản trị, các bộ phận, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT, BTGD;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**CHỦ TỊCH**

Nguyễn Duy Hưng

Danh mục hồ sơ
đăng ký phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua
(Đính kèm Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐQT ngày 02/7/2024 của Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI)

Cập nhật danh mục hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua của Điều 1 Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐQT ngày 16/4/2024 của Hội đồng quản trị bao gồm:

1. Giấy đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
2. Bản cáo bạch chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
3. Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty và các Giấy phép, Giấy chứng nhận điều chỉnh, thay đổi;
4. Điều lệ Công ty và các Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị cập nhật Điều lệ Công ty;
5. Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/12/2023 và Biên bản kiểm phiếu ngày 20/12/2023 của Đại hội đồng cổ đông Công ty;
6. Tờ trình Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua ngày 20/11/2023;
7. Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2024/NQ-HĐQT ngày 16/4/2024 thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua;
8. Nghị quyết Hội đồng quản trị số 08/2024/NQ-HĐQT ngày 16/4/2024 thông qua danh mục Hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua;
9. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý I/2024;
10. Văn bản xác nhận của Ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu từ đợt chào bán và văn bản xác nhận về thẩm quyền ký của đại diện ngân hàng;
11. Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ các đợt chào bán, phát hành cổ phiếu gần nhất;
12. Báo cáo vốn đầu tư chủ sở hữu của các đợt chào bán, phát hành cổ phiếu gần nhất;
13. Văn bản ủy quyền ký báo cáo tài chính của công ty kiểm toán;
14. Văn bản cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích và cam kết thực hiện niêm yết bổ sung đối với số lượng cổ phiếu chào bán thêm sau khi kết thúc đợt chào bán;
15. Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2024 và Biên bản họp ngày 25/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty;
16. Tờ trình tiếp tục thực hiện các phương án chào bán, phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 02/4/2024;
17. Các tài liệu khác được trình bày trong hồ sơ chào bán, phát hành hoặc có liên quan đến đợt chào bán, phát hành hoặc các tài liệu giải trình, bổ sung khác (nếu có) theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước.



**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

Căn cứ:

- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI;
- Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 20 tháng 12 năm 2023;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, chi tiết như sau:

1.	Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
2.	Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
3.	Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần
4.	Vốn điều lệ dự kiến trước phát hành (bao gồm 10.000.000 cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Điều 7 Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2023)	15.111.301.370.000 đồng
5.	Số lượng cổ phần trước khi phát hành	1.511.130.137 cổ phần
6.	Số lượng cổ phần dự kiến phát hành thêm Trong đó:	Tối đa 453.339.040 cổ phần
	- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (tỷ lệ 100:20)	Tối đa 302.226.027 cổ phần

	- Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 15.000 đồng/cổ phần (tỷ lệ 100:10)	Tối đa 151.113.013 cổ phần
7.	Tổng số lượng cổ phần dự kiến sau phát hành	Tối đa 1.964.469.177 cổ phần
8.	Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành	19.644.691.770.000 đồng
9.	Thời gian dự kiến phát hành	Năm 2023 – 2024 hoặc thời hạn khác theo quyết định của HĐQT
10.	Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành	Bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư và cho vay giao dịch ký quỹ

A. Nội dung chi tiết của phương án phát hành

I. Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

1.	Số lượng cổ phần dự kiến phát hành	Tối đa 302.226.027 cổ phần Số lượng cổ phần phát hành căn cứ theo tỷ lệ thực hiện quyền trên số lượng cổ phần đang lưu hành của Công ty và thực hiện theo phương pháp làm tròn xuống.
2.	Tổng giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá	Tối đa 3.022.260.270.000 đồng
3.	Tỷ lệ thực hiện quyền	100:20 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 100 quyền sẽ được nhận thêm 20 cổ phần mới).
4.	Đối tượng phát hành	Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty tại ngày chốt danh sách cổ đông để phát hành.
5.	Nguồn vốn sử dụng	Từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác (nếu có) theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán của Công ty. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT cân đối và quyết định nguồn vốn sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.
6.	Nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý phần lẻ cổ phần	Sau khi nhân với tỷ lệ thực hiện quyền, số lượng cổ phần phát hành sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ. Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 204 cổ phần, với tỷ lệ thực hiện quyền 100:20 thì số cổ phần mà cổ đông A nhận được là: $(204 \times 20) / 100 = 40,8$ cổ phần. Theo nguyên tắc làm tròn trên, số cổ phần mới mà cổ đông A được nhận

		là 40 cổ phần. Số cổ phần lẻ (0,8 cổ phần) sẽ được hủy bỏ.
7.	Hạn chế chuyển nhượng	Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng

II. Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua

1.	Số lượng cổ phần dự kiến chào bán	Tối đa 151.113.013 cổ phần Số lượng cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu căn cứ theo tỷ lệ chào bán trên số lượng cổ phần đang lưu hành của Công ty và thực hiện theo phương pháp làm tròn xuống
2.	Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá	Tối đa 1.511.130.130.000 đồng
3.	Giá chào bán	15.000 (Mười lăm nghìn) đồng/cổ phần
4.	Tỷ lệ thực hiện quyền	100:10 (Tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 100 quyền được mua 10 cổ phần mới)
5.	Phương thức chào bán	Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua
6.	Đối tượng chào bán	Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông được chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm
7.	Chuyển nhượng quyền mua	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho bên khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho bên thứ ba). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng. Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông A sở hữu 200 cổ phần, sẽ được hưởng 200 quyền mua. Cổ đông A có thể chuyển nhượng 100 quyền mua cho nhà đầu tư B và chuyển nhượng 100 quyền mua cho nhà đầu tư C. Nhà đầu tư B và C không được chuyển nhượng tiếp quyền mua cho bên thứ ba.
8.	Nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ	Đối với phần lẻ cổ phần (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá số lượng chào bán, số lượng cổ phần chào bán thêm mà cổ đông sở hữu

		<p>quyền được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) sẽ được làm tròn xuống thành 0 cổ phần.</p> <p>Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông A sở hữu 202 cổ phần, sẽ được hưởng 202 quyền mua. Khi đó, số cổ phần chào bán thêm cổ đông A được mua như sau: $(202 \times 10) / 100 = 20,2$ cổ phần. Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phần mà Cổ đông A được quyền mua là 20 cổ phần.</p>
9.	Phương thức xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết	<p>Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu (gồm số cổ phần phát sinh ra do làm tròn, số cổ phần còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua và số cổ phần còn dư chưa được phát hành do các nguyên nhân khác) sẽ được HĐQT chào bán cho các Nhà đầu tư khác (bao gồm các cổ đông hiện hữu khác) với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu hoặc chấm dứt đợt chào bán theo quyết định của HĐQT.</p> <p>ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng tiêu chí và lựa chọn Nhà đầu tư khác có nhu cầu mua cổ phần còn lại chưa phân phối hết.</p> <p>Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật (bao gồm thời gian gia hạn nếu có) mà cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán.</p>
10.	Hạn chế chuyển nhượng	<p>Cổ phần chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.</p> <p>Cổ đông hiện hữu đang sở hữu cổ phần đang trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phần. Số lượng cổ phần mua thêm từ quyền mua không bị hạn chế chuyển nhượng.</p> <p>Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu khi được chào bán cho Nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định.</p>
11.	Chào mua công khai	<p>Đồng ý cho cổ đông, Nhà đầu tư (được HĐQT lựa chọn) khi thực hiện mua số cổ phần không phân phối hết cho các cổ đông hiện hữu sẽ không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai theo quy định của Luật Chứng khoán nếu việc mua đó dẫn đến tỷ lệ sở hữu đạt hoặc vượt các tỷ lệ sở hữu quy định tại Khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán.</p>

12.	Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu	Không áp dụng
-----	-------------------------------------	---------------

B. Đánh Giá Mức Độ Pha Loãng Cổ Phần Dự Kiến Sau Khi Phát Hành

Trong đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ có thể xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm:

- (i) pha loãng về giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền
- (ii) pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS)
- (iii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BVPS)
- (iv) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.

Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông đang sở hữu).

Ủy quyền cho HĐQT căn cứ theo điều kiện thực tế tại thời điểm triển khai phát hành để đưa ra đánh giá cụ thể về mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành.

C. Thông qua Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành

Số tiền thu được từ đợt phát hành được sử dụng để bổ sung vốn cho vay giao dịch ký quỹ và đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các giấy tờ có giá khác theo tỷ lệ do Hội đồng quản trị quyết định.

D. Thông qua việc đăng ký, lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung

Ngay sau khi hoàn tất đợt phát hành, Công ty cam kết sẽ thực hiện đăng ký lưu ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh toàn bộ số lượng cổ phần đã phát hành theo đúng quy định của pháp luật.

E. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT

- (i) Thực hiện việc phát hành cổ phiếu và quyết định, thực hiện thủ tục phân phối cổ phần theo phương án phát hành;
- (ii) Quyết định chi tiết nội dung phương án phát hành cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, bổ sung, thay đổi phương án phát hành khi cần thiết theo tình hình thực tế của Công ty hoặc theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo đợt phát hành được thành công cũng như việc huy động vốn của Công ty được thực hiện một cách hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty;
- (iii) Quyết định số lượng cổ phần phát hành theo số lượng cổ phiếu đang lưu hành thực tế tại thời điểm triển khai phương án phát hành;
- (iv) Lựa chọn thời điểm phát hành thích hợp để thực hiện chào bán, phát hành cổ phần sau khi nhận được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- (v) Thực hiện xử lý cổ phiếu lẻ, phần lẻ cổ phần, cổ phiếu mà cổ đông từ chối mua;
- (vi) Quyết định phương án sử dụng vốn cụ thể và chủ động điều chỉnh về việc sử dụng nguồn vốn thu được, thời điểm giải ngân nguồn vốn, mục đích sử dụng vốn trong trường hợp cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty;



- (vii) Tiến hành các thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty để ghi nhận phần vốn điều lệ mới tăng thêm từ kết quả phát hành;
- (viii) Thông qua việc tăng vốn điều lệ và triển khai các công việc, thủ tục pháp lý cần thiết để thay đổi vốn điều lệ trong Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần thực tế phát hành sau khi hoàn thành đợt phát hành;
- (ix) Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh toàn bộ số lượng cổ phần thực tế phát hành theo quy định của pháp luật;
- (x) Quyết định tất cả các vấn đề khác liên quan đến việc chào bán, phát hành cổ phiếu, đăng ký, lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu;
- (xi) Các nội dung ủy quyền khác được nêu cụ thể tại Phương án phát hành chi tiết.

Trong phạm vi ủy quyền nêu trên, Hội đồng quản trị được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc thực hiện (các) công việc nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 2: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Giao Hội đồng quản trị triển khai thi hành Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Nguyễn Duy Hưng

SSI

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
LẤY Ý KIẾN CỔ ĐỒNG BẰNG VĂN BẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

BẢN SAO

Hôm nay, lúc 14 giờ 30 ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI, chúng tôi gồm:

- | | | |
|------------------------------|---|---------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Duy Hưng | - Chủ tịch HĐQT | - Người đại diện theo pháp luật |
| 2. Bà Phạm Thị Thùy | - Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty | - Giám sát kiểm phiếu |
| 3. Ông Trần Tuấn Huy | - Nhân viên Công ty | - Người kiểm phiếu |
| 4. Ông Nguyễn Trần Tuấn Khôi | - Nhân viên Công ty | - Người kiểm phiếu |

Đã tiến hành kiểm phiếu kết quả lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo danh sách cổ đông chốt ngày 14/11/2023 chi tiết như sau:

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
- Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301955155 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 05/04/2000 và thay đổi gần nhất lần thứ 30 ngày 21/04/2023.
- Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số: 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/04/2000 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 24/GPĐC-UBCK ngày 04/04/2023.
- Mục đích lấy ý kiến: Thông qua việc Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua và Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu để tăng vốn điều lệ nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty.
- Vấn đề cần lấy ý kiến: Thông qua Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua và Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Phương thức gửi phiếu biểu quyết: theo hình thức gửi thư, gửi fax hoặc thư điện tử.

Chi tiết nội dung cần lấy ý kiến theo nội dung Tờ trình và dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ gửi kèm theo Thư lấy ý kiến cổ đông ngày 20/11/2023.

KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU

- Số phiếu gửi đi: **79.604** phiếu, tương ứng với số cổ đông nắm giữ **1.499.138.669** cổ phiếu (đã loại trừ 1.991.468 cổ phiếu quỹ không có quyền biểu quyết) bằng **100%** tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của công ty.
- Số phiếu nhận về: **768** phiếu, tương ứng với số cổ đông nắm giữ **828.361.793** cổ phiếu bằng **55,256%** tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của công ty.

Trong đó: 765 phiếu hợp lệ tương ứng với số cổ đông nắm giữ 828.301.584 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 55,252%; và 3 phiếu không hợp lệ tương ứng với số cổ đông nắm giữ 60.209 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,004%

3. Kết quả biểu quyết cụ thể như sau đối với các phiếu hợp lệ:

Nội dung	Tán thành (% cổ phần)	Không tán thành (% cổ phần)	Không có ý kiến (% cổ phần)
Thông qua Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua và Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	55,011% 824.687.778	0,049% 732.261	0,192% 2.881.545

Vấn đề đã được thông qua: Thông qua Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua và Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, chi tiết theo nội dung Tờ trình và Dự thảo Nghị quyết đã gửi kèm theo Thư lấy ý kiến cổ đông.

Biên bản kết thúc lúc 16 giờ 30 cùng ngày.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo pháp luật



Nguyễn Duy Hưng

Nguyễn Duy Hưng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Giám sát kiểm phiếu NGÀY 24 -06- 2024 Người kiểm phiếu

24675----

SCT/BS

Người kiểm phiếu

Nguyễn Trần Tuấn Khôi

Nguyễn Trần Tuấn Khôi

Phạm Thị Thủy

Trần Tuấn Huy



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Thị Thủy



TỜ TRÌNH
PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Hội đồng quản trị ("HĐQT") Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ Công ty với các nội dung như sau:

1. Báo cáo tiến độ thực hiện phương án phát hành tăng vốn

HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ về tiến độ thực hiện phương án phát hành tăng vốn tại Điều 6 và Điều 7 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2023 cập nhật như sau:

Nội dung phát hành	Số lượng cổ phần dự kiến phát hành	Số lượng cổ phần thực tế phát hành	Ngày hoàn tất	Ghi chú
Chào bán cổ phiếu riêng lẻ với giá không thấp hơn 90% giá đóng cửa bình quân của 10 ngày giao dịch liên tiếp liền trước ngày HĐQT quyết định phê duyệt phương án phát hành chi tiết	104.042.344	-	Chưa thực hiện	Dự kiến thực hiện sau khi hoàn tất phương án phát hành theo Tờ trình này
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	10.000.000	-	Đang thực hiện	Vốn điều lệ dự kiến 15.111.301.370.000 đồng

2. Phương án phát hành

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ Công ty như sau:

1.	Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
2.	Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
3.	Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần
4.	Vốn điều lệ dự kiến trước phát hành (bao gồm 10.000.000 cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Điều 7 Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2023)	15.111.301.370.000 đồng
5.	Số lượng cổ phần trước khi phát hành	1.511.130.137 cổ phần
6.	Số lượng cổ phần dự kiến phát hành thêm	Tối đa 453.339.040 cổ phần
	Trong đó:	
	- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (tỷ lệ 100:20)	Tối đa 302.226.027 cổ phần

	- Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 15.000 đồng/cổ phần (tỷ lệ 100:10)	Tối đa 151.113.013 cổ phần
7.	Tổng số lượng cổ phần dự kiến sau phát hành	Tối đa 1.964.469.177 cổ phần
8.	Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành	19.644.691.770.000 đồng
9.	Thời gian dự kiến phát hành	Năm 2023 – 2024 hoặc thời hạn khác theo quyết định của HĐQT
10.	Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành	Bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư và cho vay giao dịch ký quỹ.

Nội dung chi tiết phương án phát hành được đính kèm Tờ trình này.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

1. Thực hiện việc phát hành cổ phiếu và quyết định, thực hiện thủ tục phân phối cổ phần theo phương án phát hành;
2. Quyết định chi tiết nội dung phương án phát hành cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, bổ sung, thay đổi phương án phát hành khi cần thiết theo tình hình thực tế của Công ty hoặc theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo đợt phát hành được thành công cũng như việc huy động vốn của Công ty được thực hiện một cách hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty;
3. Quyết định số lượng cổ phần phát hành theo số lượng cổ phiếu đang lưu hành thực tế tại thời điểm triển khai phương án phát hành;
4. Lựa chọn thời điểm phát hành thích hợp để thực hiện chào bán, phát hành cổ phần sau khi nhận được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
5. Thực hiện xử lý cổ phiếu lẻ, phần lẻ cổ phần, cổ phiếu mà cổ đông từ chối mua;
6. Quyết định phương án sử dụng vốn cụ thể và chủ động điều chỉnh về việc sử dụng nguồn vốn thu được, thời điểm giải ngân nguồn vốn, mục đích sử dụng vốn trong trường hợp cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty;
7. Tiến hành các thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty để ghi nhận phần vốn điều lệ mới tăng thêm từ kết quả phát hành;
8. Thông qua việc tăng vốn điều lệ và triển khai các công việc, thủ tục pháp lý cần thiết để thay đổi vốn điều lệ trong Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần thực tế phát hành sau khi hoàn thành đợt phát hành;
9. Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh toàn bộ số lượng cổ phần thực tế phát hành theo quy định của pháp luật;
10. Quyết định tất cả các vấn đề khác liên quan đến việc chào bán, phát hành cổ phiếu, đăng ký, lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu;
11. Các nội dung ủy quyền khác được nêu cụ thể tại Phương án phát hành chi tiết.

Trong phạm vi ủy quyền nêu trên, HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc thực hiện (các) công việc nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 11 năm 2023

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Duy Hưng

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

I. Phương Án Phát Hành Cổ Phiếu Để Tăng Vốn Cổ Phần Từ Nguồn Vốn Chủ Sở Hữu

1.	Số lượng cổ phần dự kiến phát hành	Tối đa 302.226.027 cổ phần Số lượng cổ phần phát hành căn cứ theo tỷ lệ thực hiện quyền trên số lượng cổ phần đang lưu hành của Công ty và thực hiện theo phương pháp làm tròn xuống.
2.	Tổng giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá	Tối đa 3.022.260.270.000 đồng
3.	Tỷ lệ thực hiện quyền	100:20 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 100 quyền sẽ được nhận thêm 20 cổ phần mới).
4.	Đối tượng phát hành	Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty tại ngày chốt danh sách cổ đông để phát hành.
5.	Nguồn vốn sử dụng	Từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác (nếu có) theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán của Công ty. ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT cân đối và quyết định nguồn vốn sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.
6.	Nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý phần lẻ cổ phần	Sau khi nhân với tỷ lệ thực hiện quyền, số lượng cổ phần phát hành sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ. Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 204 cổ phần, với tỷ lệ thực hiện quyền 100:20 thì số cổ phần mà cổ đông A nhận được là: $(204 \times 20) / 100 = 40,8$ cổ phần. Theo nguyên tắc làm tròn trên, số cổ phần mới mà cổ đông A được nhận là 40 cổ phần. Số cổ phần lẻ (0,8 cổ phần) sẽ được hủy bỏ.
7.	Hạn chế chuyển nhượng	Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng

II. Phương Án Chào Bán Thêm Cổ Phiếu Cho Cổ Đông Hiện Hữu Theo Phương Thức Thực Hiện Quyền Mua

1.	Số lượng cổ phần dự kiến chào bán	Tối đa 151.113.013 cổ phần Số lượng cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu căn cứ theo tỷ lệ chào bán trên số lượng cổ phần đang lưu hành của Công ty và thực hiện theo phương pháp làm tròn xuống
2.	Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá	Tối đa 1.511.130.130.000 đồng
3.	Giá chào bán	15.000 (Mười lăm nghìn) đồng/cổ phần
4.	Tỷ lệ thực hiện quyền	100:10 (Tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 100 quyền được mua 10 cổ phần mới)
5.	Phương thức chào bán	Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua
6.	Đối tượng chào bán	Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông được chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm
7.	Chuyển nhượng quyền mua	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho bên khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho bên thứ ba). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng. Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông A sở hữu 200 cổ phần, sẽ được hưởng 200 quyền mua. Cổ đông A có thể chuyển nhượng 100 quyền mua cho nhà đầu tư B và chuyển nhượng 100 quyền mua cho nhà đầu tư C. Nhà đầu tư B và C không được chuyển nhượng tiếp quyền mua cho bên thứ ba.
8.	Nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ	Đối với phần lẻ cổ phần (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá số lượng chào bán, số lượng cổ phần chào bán thêm mà cổ đông sở hữu quyền được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) sẽ được làm tròn xuống thành 0 cổ phần. Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông A sở hữu 202 cổ phần, sẽ được hưởng 202 quyền mua. Khi đó, số cổ phần chào bán thêm cổ đông A được mua như sau: $(202 \times 10) / 100 = 20,2$ cổ phần. Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phần mà Cổ đông A được quyền mua là 20 cổ phần.
9.	Phương thức xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết	Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu (gồm số cổ phần phát sinh ra do làm tròn, số cổ phần còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua và số cổ phần còn dư chưa được phát hành do các nguyên nhân khác) sẽ được HĐQT chào bán cho các Nhà đầu tư khác (bao gồm các cổ đông hiện hữu khác) với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu hoặc chấm dứt đợt chào bán theo quyết định của HĐQT.

		<p>ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng tiêu chí và lựa chọn Nhà đầu tư khác có nhu cầu mua cổ phần còn lại chưa phân phối hết.</p> <p>Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật (bao gồm thời gian gia hạn nếu có) mà cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán.</p>
10.	Hạn chế chuyển nhượng	<p>Cổ phần chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.</p> <p>Cổ đông hiện hữu đang sở hữu cổ phần đang trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phần. Số lượng cổ phần mua thêm từ quyền mua không bị hạn chế chuyển nhượng.</p> <p>Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu khi được chào bán cho Nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định.</p>
11.	Chào mua công khai	<p>Đồng ý cho cổ đông, Nhà đầu tư (được HĐQT lựa chọn) khi thực hiện mua số cổ phần không phân phối hết cho các cổ đông hiện hữu sẽ không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai theo quy định của Luật Chứng khoán nếu việc mua đó dẫn đến tỷ lệ sở hữu đạt hoặc vượt các tỷ lệ sở hữu quy định tại Khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán.</p>
12.	Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu	Không áp dụng

III. Đánh Giá Mức Độ Pha Loãng Cổ Phần Dự Kiến Sau Khi Phát Hành

Trong đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ có thể xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm:

- (i) pha loãng về giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền
- (ii) pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS)
- (iii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BVPS)
- (iv) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.

Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông đang sở hữu).

Ủy quyền cho HĐQT căn cứ theo điều kiện thực tế tại thời điểm triển khai phát hành để đưa ra đánh giá cụ thể về mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành.

IV. Thông Qua Phương Án Sử Dụng Vốn Thu Được Từ Đợt Phát Hành

Số tiền thu được từ đợt phát hành được sử dụng để bổ sung vốn cho vay giao dịch ký quỹ và đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các giấy tờ có giá khác theo tỷ lệ do Hội đồng quản trị quyết định.

V. Thông Qua Việc Đăng Ký Lưu Ký Bổ Sung Và Đăng Ký Niêm Yết Bổ Sung

Ngay sau khi hoàn tất đợt phát hành, Công ty cam kết sẽ thực hiện đăng ký lưu ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh toàn bộ số lượng cổ phần đã phát hành theo đúng quy định của pháp luật.



**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

Căn cứ:

- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT), Báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán (UBKT) và các Thành viên độc lập HĐQT trong UBKT năm 2023.

Điều 2: Thông qua các Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh năm 2024 với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

Kết quả kinh doanh năm 2023

STT	Các chỉ tiêu cơ bản	ĐVT	Báo cáo tài chính hợp nhất	Báo cáo tài chính riêng
1	Tổng tài sản	đồng	69.241.327.102.648	68.519.452.544.897
2	Doanh thu thuần	đồng	7.280.996.502.626	6.981.969.322.203
3	Lợi nhuận trước thuế	đồng	2.848.566.970.193	2.705.310.934.589
4	Lợi nhuận sau thuế	đồng	2.294.472.821.558	2.173.206.453.958
5	Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty mẹ	đồng	2.292.781.385.416	-

Kế hoạch kinh doanh năm 2024 (hợp nhất):

- Doanh thu (hợp nhất): 8.112 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế (hợp nhất): 3.398 tỷ đồng

Ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh kế hoạch kinh doanh phù hợp thực tế khi mức tăng trưởng và thanh khoản thị trường không đạt mức giả định.

Điều 3: Thông qua phân phối lợi nhuận năm 2023 theo báo cáo và đề xuất của HĐQT, cụ thể như sau:

Tổng lợi nhuận phân phối	1.663.792.941.998 đồng
Trong đó:	
- Trích lập Quỹ từ thiện (0% lợi nhuận sau thuế)	-
- Trích lập Quỹ phúc lợi (2% lợi nhuận sau thuế)	43.617.944.285 đồng
- Trích lập Quỹ khen thưởng (5% lợi nhuận sau thuế)	109.044.860.713 đồng
- Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền (10% mệnh giá – 1.000 đồng/cổ phần)	1.511.130.137.000 đồng (*)
Thù lao HĐQT theo số thực tế chi trong năm 2023	2.413.333.335 đồng

(*) Trường hợp tổng số cổ phần đã phát hành có thay đổi tại ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức, HĐQT có thể tăng/giảm tổng số tiền chi trả để bảo đảm tỉ lệ chi trả 1.000 đồng/cổ phần nếu có đủ nguồn theo quy định của pháp luật. Tổng lợi nhuận phân phối sẽ thay đổi tương ứng.

Điều 4: Phê chuẩn thù lao cho toàn bộ 06 (sáu) thành viên HĐQT không quá 05 (năm) tỷ đồng cho năm tài chính 2024. Giao HĐQT quyết định mức phân bổ thù lao cụ thể cho các thành viên.

Điều 5: Phê chuẩn danh sách công ty kiểm toán theo đề xuất của HĐQT gồm Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Công ty TNHH KPMG, Công ty TNHH PwC (Việt Nam) và Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam để thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024 và soát xét các Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất bán niên năm 2024. Giao HĐQT quyết định chọn 01 (một) trong số các công ty kiểm toán nêu trên.

Điều 6: Thông qua việc tiếp tục thực hiện các Phương án chào bán, phát hành cổ phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua trong năm 2023, trong đó sửa đổi một số nội dung của Phương án chào bán, phát hành, cụ thể như sau:

1. Thông qua việc tiếp tục thực hiện và sửa đổi Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua và Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Điều 1 Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/12/2023 như sau:

Nội dung	Nội dung ĐHĐCĐ đã thông qua tại Điều 1 Nghị quyết 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ	Nội dung sửa đổi
Thời gian dự kiến phát hành	Năm 2023 – 2024 hoặc thời hạn khác theo quyết định của HĐQT	Năm 2024 – 2025 hoặc thời hạn khác theo quyết định của HĐQT

2. Thông qua việc tiếp tục thực hiện và sửa đổi Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Điều 6 Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2023 như sau:

Nội dung	Nội dung ĐHĐCĐ đã thông qua tại Điều 6 Nghị quyết 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ	Nội dung sửa đổi
Số lượng nhà đầu tư	Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định số lượng nhà đầu tư được mua cổ phần phù hợp với tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư.	Dưới 20 nhà đầu tư
Hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần chào bán riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Việc chào bán không bị hạn chế trong trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án, đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài, hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.	Hạn chế chuyển nhượng 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.
Thời gian dự kiến chào bán	Năm 2023 – 2024 hoặc thời hạn khác do HĐQT quyết định.	Năm 2024 – 2025 hoặc thời hạn khác theo quyết định của HĐQT.

Các nội dung còn lại của các Phương án phát hành, chào bán cổ phiếu nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua không sửa đổi và vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Điều 7: Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2024 như sau:

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Hình thức cổ phiếu	Phát hành theo hình thức ghi sổ
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần
Đối tượng phát hành	Thành viên HĐQT, nhân sự chủ chốt của SSI và công ty con

Số lượng phát hành	Tối đa 10.000.000 (mười triệu) cổ phần
Giá phát hành	Bằng mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần
Thời gian thực hiện dự kiến	Năm 2024 – 2025 hoặc thời hạn khác theo quyết định của HĐQT và sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Phương án này sẽ được thực hiện sau Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua và Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
Mục đích	- Gắn kết lợi ích của nhân viên và Công ty - Bổ sung thêm vốn lưu động cho Công ty
Hạn chế chuyển nhượng	Chỉ được chuyển nhượng 50% sau 02 năm và 50% còn lại sau 03 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành. Việc thu hồi cổ phiếu của nhân viên đã mua cổ phiếu ESOP mà vi phạm quy định về hạn chế chuyển nhượng sẽ được thực hiện theo Quy chế phát hành do HĐQT ban hành.
Điều kiện khác	Cổ phiếu được đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT:

- Quyết định triển khai thực hiện phát hành và quyết định việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện nội dung phương án phát hành cổ phiếu để phù hợp với thực tế phát hành, quy định của pháp luật và yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo đợt phát hành được thành công;
- Quyết định nội dung và ban hành Quy chế phát hành để thực hiện phương án này;
- Quyết định thời điểm phát hành ESOP phù hợp;
- Quyết định tiêu chí, tiêu chuẩn, danh sách cán bộ nhân viên đủ điều kiện tham gia chương trình và số lượng cổ phiếu cụ thể được phân phối cho từng cán bộ nhân viên;
- Thực hiện các thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty để ghi nhận phần vốn điều lệ mới tăng thêm từ kết quả phát hành;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung tại VSDC và đăng ký niêm yết bổ sung tại HOSE toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm này;
- Thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để thay đổi vốn điều lệ trong Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần thực tế phát hành sau khi hoàn thành đợt phát hành;
- Quyết định tất cả các vấn đề khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu, đăng ký, lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu.

Trong phạm vi ủy quyền nêu trên, HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc thực hiện (các) công việc nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 8: Thông qua việc bầu 02 (hai) thành viên HĐQT Công ty với nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày 25/4/2024, gồm có:

Tên thành viên	Chức danh
Ông Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Việt Muôn	Thành viên độc lập HĐQT

Điều 9: Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Giao HĐQT, Ban Tổng Giám đốc triển khai thi hành Nghị quyết này.



Nguyễn Duy Hưng



BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

A. THÔNG TIN CÔNG TY

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

Địa chỉ trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mã số doanh nghiệp: 0301955155

B. THỜI GIAN, PHƯƠNG THỨC, ĐỊA ĐIỂM HỌP

- Thời gian: 13h30, Thứ Năm, Ngày 25 tháng 4 năm 2024
- Phương thức: Họp trực tiếp tại Hội trường Thống Nhất – 135 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam

C. THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Các Cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông chốt ngày 19/3/2024 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") cung cấp.
2. Các Thành viên Hội đồng quản trị ("HDQT"):
 - i. Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch HDQT;
 - ii. Ông Nguyễn Hồng Nam – Thành viên HDQT, Tổng Giám đốc;
 - iii. Ông Phạm Việt Muôn – Thành viên độc lập HDQT, Trưởng Ủy ban kiểm toán ("UBKT");
 - iv. Ông Nguyễn Quốc Cường – Thành viên độc lập HDQT, Thành viên UBKT;
 - v. Ông Hironori Oka – Thành viên HDQT;
 - vi. Ông Nguyễn Duy Khánh – Thành viên HDQT.
3. Đại diện đơn vị kiểm toán Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam:
 - i. Ông Vũ Tiến Dũng – Phó Tổng Giám đốc
4. Các ông/bà Phó Tổng Giám đốc, các Giám đốc Khối và Giám đốc Tài chính

D. BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

Ông Nguyễn Kim Long – Giám đốc Luật và Kiểm soát tuân thủ ("KSTT") đọc Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội được lập lúc **14 giờ 00 phút** ngày 25/04/2024:

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm có:
 - Ông Trần Tuấn Huy - Trưởng ban;
 - Ông Nguyễn Trần Tuấn Khôi - Thành viên;
 - Ông Lê Thanh Việt Hoàng - Thành viên.



2. Kết quả kiểm tra:

- Tổng số cổ đông của Công ty: **74.489** cổ đông đại diện cho **1.499.138.669** cổ phần, chiếm tỷ lệ **100%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (đã trừ **1.991.468** cổ phiếu quỹ trên tổng số **1.501.130.137** cổ phiếu đã phát hành).
- Tổng số cổ đông tham dự Đại hội (bao gồm cổ đông tham dự trực tiếp và cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự): **799 cổ đông**, đại diện cho **795.133.330 cổ phần** có quyền biểu quyết chiếm **53,04%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Đại hội đủ điều kiện tiến hành theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

E. KHAI MẠC ĐẠI HỘI

I. GIỚI THIỆU CHỦ TỌA, THƯ KÝ

1. Chủ tọa Đại hội: Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch HĐQT
2. Thư ký Đại hội: Ông Bùi Quang Minh và Bà Trần Huỳnh Phương Quyên – Nhân viên Công ty

II. THÔNG QUA CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI VÀ BAN KIỂM PHIẾU

1. Ông Nguyễn Duy Hưng phát biểu khai mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên (“**ĐHĐCĐ**” hoặc “**Đại hội**”).
2. Chủ tọa phân công ông Nguyễn Kim Long – GD Luật và KSTT giới thiệu chương trình Đại hội gồm các vấn đề sau đây:
 - i. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2023, kế hoạch kinh doanh năm 2024;
 - ii. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023;
 - iii. Báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán và các thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán năm 2023;
 - iv. Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán;
 - v. Phân phối lợi nhuận năm 2023;
 - vi. Thù lao cho HĐQT năm 2024;
 - vii. Chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2024;
 - viii. Tiếp tục thực hiện các Phương án chào bán, phát hành cổ phiếu đã được **ĐHĐCĐ** thông qua trong năm 2023;
 - ix. Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2024;
 - x. Bầu 02 thành viên HĐQT.

Ban tổ chức hướng dẫn cách thức biểu quyết tại Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua chương trình Đại hội: tỷ lệ tán thành: 100%

3. Chủ tọa phân công ông Nguyễn Kim Long – GD Luật và KSTT đề xuất Ban kiểm phiếu làm nhiệm vụ kiểm tra, thống kê kết quả biểu quyết và bầu cử:
 - Ông Trần Tuấn Huy: Nhân viên Công ty – Trưởng ban
 - Ông Nguyễn Trần Tuấn Khôi: Nhân viên Công ty – Thành viên

- Ông Lê Thanh Việt Hoàng: Đại diện của Cổ đông Công ty – Thành viên

Đại hội biểu quyết thông qua Ban kiểm phiếu: tỷ lệ tán thành: 100%

4. Chủ tọa phân công ông Nguyễn Kim Long – GD Luật và KSTT đề xuất thông qua Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế tổ chức họp: tỷ lệ tán thành: 100%

F. DIỄN TIẾN ĐẠI HỘI

I. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

1. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2023, Kế hoạch kinh doanh năm 2024 và các Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán năm 2023

i. Ông Nguyễn Hồng Nam - Tổng Giám đốc trình bày:

- Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2023;
- Kế hoạch kinh doanh năm 2024 (kèm theo Tờ trình của HĐQT):
 - Doanh thu (hợp nhất): 8.112 tỷ đồng
 - Lợi nhuận trước thuế (hợp nhất): 3.398 tỷ đồng

Ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh kế hoạch kinh doanh phù hợp với thực tế khi mức tăng trưởng và thanh khoản thị trường không đạt mức giả định.

ii. Ông Phạm Viết Muôn - Thành viên độc lập HĐQT kiêm Trưởng UBKT, trình bày Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023.

iii. Ông Nguyễn Quốc Cường - Thành viên độc lập HĐQT kiêm Thành viên UBKT, trình bày Báo cáo hoạt động của UBKT và các thành viên độc lập HĐQT trong UBKT năm 2023.

Ông Nguyễn Duy Hưng báo cáo Đại hội về việc tuân thủ quy định tại điểm b khoản 5 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp về điều kiện của Tổng Giám đốc công ty đại chúng: Luật Doanh nghiệp có hiệu lực từ 01/01/2021 quy định Tổng Giám đốc công ty đại chúng "*Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp*", tuy nhiên khoản 2 Điều 218 của Luật này cũng cho phép những người đã được bổ nhiệm được tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đến hết thời gian còn lại của nhiệm kỳ. Ông Nguyễn Hồng Nam - Tổng Giám đốc hiện tại của Công ty được bổ nhiệm từ ngày 01/8/2020 là trường hợp ngoại lệ theo quy định nêu trên nên được phép tiếp tục giữ vị trí Tổng Giám đốc đến hết nhiệm kỳ 05 năm theo Quy chế hoạt động của Ban Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị ban hành.

2. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023, Báo cáo phân phối lợi nhuận năm 2023

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Giám đốc Tài chính trình bày:

- i. Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam được công bố thông tin theo quy định của pháp luật và đăng trên website của Công ty tại <http://www.ssi.com.vn>. Một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

STT	Các chỉ tiêu cơ bản	ĐVT	Báo cáo tài chính hợp nhất	Báo cáo tài chính riêng
1	Tổng tài sản	đồng	69.241.327.102.648	68.519.452.544.897
2	Doanh thu thuần	đồng	7.280.996.502.626	6.981.969.322.203
3	Lợi nhuận trước thuế	đồng	2.848.566.970.193	2.705.310.934.589

STT	Các chỉ tiêu cơ bản	ĐVT	Báo cáo tài chính hợp nhất	Báo cáo tài chính riêng
4	Lợi nhuận sau thuế	đồng	2.294.472.821.558	2.173.206.453.958
5	Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty mẹ	đồng	2.292.781.385.416	-

ii. Phân phối lợi nhuận năm 2023 và trích lập các quỹ:

Tổng lợi nhuận phân phối

1.663.792.941.998 đồng

Trong đó:

- Trích lập Quỹ từ thiện (0% lợi nhuận sau thuế)
 - Trích lập Quỹ phúc lợi (2% lợi nhuận sau thuế) 43.617.944.285 đồng
 - Trích lập Quỹ khen thưởng (5% lợi nhuận sau thuế) 109.044.860.713 đồng
 - Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền (10% mệnh giá – 1.000 đồng/cổ phần) 1.511.130.137.000 đồng (*)
- Thù lao HĐQT theo số thực tế chi trong năm 2023 2.413.333.335 đồng

(*) Trường hợp tổng số cổ phần đã phát hành có thay đổi tại ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức, HĐQT có thể tăng/giảm tổng số tiền chi trả để bảo đảm tỉ lệ chi trả 1.000 đồng/cổ phần nếu có đủ nguồn theo quy định của pháp luật. Tổng lợi nhuận phân phối sẽ thay đổi tương ứng.

3. Thù lao cho Hội đồng quản trị năm 2024

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Giám đốc Tài chính đọc Tờ trình Thù lao cho Hội đồng quản trị năm 2024, đề nghị ĐHĐCĐ xem xét và phê chuẩn:

- i. Thù lao cho toàn bộ 06 (sáu) thành viên HĐQT không quá 05 (năm) tỷ đồng cho năm tài chính 2024;
- ii. Giao HĐQT quyết định việc phân bổ mức thù lao cụ thể cho các thành viên HĐQT.

4. Chọn công ty kiểm toán năm 2024

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Giám đốc Tài chính đọc Tờ trình chọn công ty kiểm toán năm 2024, đề nghị ĐHĐCĐ xem xét và phê chuẩn:

- i. Danh sách 04 (bốn) công ty thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024 và soát xét các Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất bán niên năm 2024 gồm Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Công ty TNHH KPMG, Công ty TNHH PwC (Việt Nam) và Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho kiểm toán các công ty niêm yết, hoàn toàn độc lập với Công ty và độc lập với cán bộ quản lý của Công ty;
- ii. Ủy quyền HĐQT quyết định chọn 01 (một) trong 04 (bốn) công ty kiểm toán nêu trên.

5. Tiếp tục thực hiện các Phương án chào bán, phát hành cổ phiếu đã được ĐHĐCĐ thông qua trong năm 2023

Ông Nguyễn Kim Long – Giám đốc Luật và KSTT đọc tờ trình Tiếp tục thực hiện các Phương án chào bán, phát hành cổ phiếu đã được ĐHĐCĐ thông qua trong năm 2023, báo cáo cập nhật Công ty đã thực hiện xong phương án phát hành cổ phiếu ESOP vào 16/4/2024, đề nghị ĐHĐCĐ xem xét và phê chuẩn:

- i. Thông qua việc tiếp tục thực hiện và sửa đổi Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua và Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Điều 1 Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/12/2023 như sau:

Nội dung	Nội dung ĐHĐCĐ đã thông qua tại Điều 1 Nghị quyết 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ	Nội dung sửa đổi
Thời gian dự kiến phát hành	Năm 2023 – 2024 hoặc thời hạn khác theo quyết định của HĐQT	Năm 2024 – 2025 hoặc thời hạn khác theo quyết định của HĐQT

- ii. Thông qua việc tiếp tục thực hiện và sửa đổi Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Điều 6 Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2023 như sau:

Nội dung	Nội dung ĐHĐCĐ đã thông qua tại Điều 6 Nghị quyết 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ	Nội dung sửa đổi
Số lượng nhà đầu tư	Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định số lượng nhà đầu tư được mua cổ phần phù hợp với tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư.	Dưới 20 nhà đầu tư
Hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần chào bán riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Việc chào bán không bị hạn chế trong trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án, đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài, hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.	Hạn chế chuyển nhượng 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.
Thời gian dự kiến chào bán	Năm 2023 – 2024 hoặc thời hạn khác do HĐQT quyết định.	Năm 2024 – 2025 hoặc thời hạn khác theo quyết định của HĐQT.

Các nội dung còn lại của các Phương án phát hành, chào bán cổ phiếu nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua không sửa đổi và vẫn giữ nguyên hiệu lực.

6. Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2024

Ông Nguyễn Kim Long – Giám đốc Luật và KSTT đọc tờ trình Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2024, đề nghị ĐHQĐ xem xét và phê chuẩn:

- i. Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2024 như sau:

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Hình thức cổ phiếu	Phát hành theo hình thức ghi sổ
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần
Đối tượng phát hành	Thành viên HĐQT, nhân sự chủ chốt của SSI và công ty con
Số lượng phát hành	Tối đa 10.000.000 (mười triệu) cổ phần
Giá phát hành	Bằng mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần
Thời gian thực hiện dự kiến	Năm 2024 – 2025 hoặc thời hạn khác theo quyết định của HĐQT và sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Phương án này sẽ được thực hiện sau Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua và Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
Mục đích	- Gắn kết lợi ích của nhân viên và Công ty - Bổ sung thêm vốn lưu động cho Công ty
Hạn chế chuyển nhượng	Chỉ được chuyển nhượng 50% sau 02 năm và 50% còn lại sau 03 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành. Việc thu hồi cổ phiếu của nhân viên đã mua cổ phiếu ESOP mà vi phạm quy định về hạn chế chuyển nhượng sẽ được thực hiện theo Quy chế phát hành do HĐQT ban hành.
Điều kiện khác	Cổ phiếu được đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).

- ii. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT:

- Quyết định triển khai thực hiện phát hành và quyết định việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện nội dung phương án phát hành cổ phiếu để phù hợp với thực tế phát hành, quy định của pháp luật và yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo đợt phát hành được thành công;
- Quyết định nội dung và ban hành Quy chế phát hành để thực hiện phương án này;
- Quyết định thời điểm phát hành ESOP phù hợp;

- Quyết định tiêu chí, tiêu chuẩn, danh sách cán bộ nhân viên đủ điều kiện tham gia chương trình và số lượng cổ phiếu cụ thể được phân phối cho từng cán bộ nhân viên;
- Thực hiện các thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty để ghi nhận phần vốn điều lệ mới tăng thêm từ kết quả phát hành;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung tại VSDC và đăng ký niêm yết bổ sung tại HOSE toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm này;
- Thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để thay đổi vốn điều lệ trong Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần thực tế phát hành sau khi hoàn thành đợt phát hành;
- Quyết định tất cả các vấn đề khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu, đăng ký, lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu.

Trong phạm vi ủy quyền nêu trên, HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc thực hiện (các) công việc nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật.

7. Bầu 02 thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Kim Long – Giám đốc Luật và KSTT đọc Tờ trình Bầu Thành viên HĐQT, đề nghị ĐHĐCĐ xem xét và phê chuẩn:

- i. Ông Nguyễn Hồng Nam và Ông Phạm Viết Muôn được bầu làm thành viên HĐQT của Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 25/4/2019 và hết nhiệm kỳ vào năm 2024.
- ii. Bầu 01 (một) thành viên HĐQT và 01 (một) thành viên độc lập HĐQT với nhiệm kỳ 05 (năm) năm kể từ ngày 25/4/2024.
- iii. Danh sách ứng cử viên HĐQT:

STT	Họ Tên
1.	Ông Nguyễn Hồng Nam
2.	Ông Phạm Viết Muôn

- iv. Thông tin chi tiết của các ứng cử viên HĐQT nêu trên đã được gửi đến cổ đông tham dự cuộc họp và được công bố trên website của Công ty tại <http://www.ssi.com.vn>.

Đến hết thời hạn đề cử/ứng cử (15:00 ngày 14/4/2024 theo Thông báo mời họp) có 02 ứng cử viên HĐQT nêu trên.

Tại Đại hội, không có cổ đông đề cử thêm ứng viên vào HĐQT.

II. THẢO LUẬN – Ý KIẾN CỔ ĐÔNG:

Tham gia thảo luận gồm các cổ đông và đại diện Công ty như sau:

- | | |
|----------------------------|---|
| 1. Ông Nguyễn Duy Hưng | - Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Nguyễn Đức Thông | - Phó Tổng Giám đốc |
| 3. Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương | - Giám đốc Khối Cao cấp phụ trách Khối Đầu tư, Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính |
| 4. Bà Nguyễn Ngọc Anh | - Tổng giám đốc Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI |
| 5. Bà Vũ Ngọc Anh | - Giám đốc Khối Bán lẻ |
| 6. Bà Lê Thị Lệ Hằng | - Giám đốc Chiến lược |
| 7. Ông Nguyễn Anh Đức | - Giám đốc Khối - Phát triển khách hàng tổ chức |

STT	Câu hỏi	Trả lời của Chủ tọa và/hoặc những người được Chủ tọa chỉ định
1.	Chiến lược đối với tự doanh của SSI là gì? Phần trăm sinh lời của tự doanh so với chỉ số VN-Index	Tự doanh chiếm tỷ trọng khoảng 60% lợi nhuận của SSI. Tự doanh của Công ty bao gồm ba mảng: (i) nguồn vốn, (ii) cổ phiếu và (iii) phái sinh. Trong đó, tự doanh nguồn vốn chiếm khoảng 45% và tự doanh cổ phiếu chiếm khoảng 15% lợi nhuận SSI. Trong năm 2023, tự doanh cổ phiếu có tỷ suất lợi nhuận khoảng 20%, cao hơn mức tăng trưởng của VN-Index.
2.	Việc tăng trưởng lợi nhuận 2024 của Công ty cụ thể như thế nào trong từng mảng kinh doanh? Dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2024 của SSI dựa theo kịch bản nào?	Kế hoạch kinh doanh áp dụng cho tất cả các mảng kinh doanh của Công ty và không đặt riêng cho từng mảng kinh doanh cụ thể. Sau khi phân tích các yếu tố vĩ mô và vi mô, kế hoạch kinh doanh năm 2024 của SSI được đề ra trên cơ sở VN-Index cuối năm 2024 đạt 1.300 điểm với thanh khoản thị trường dao động khoảng 18.000 đến 20.000 tỷ đồng/phiên giao dịch.
3.	SSI có phải là "market-maker" không?	Không thực hiện mua và bán một loại cổ phiếu để kiếm lời từ phần chênh lệch. Hiện nay SSI là một trong những tổ chức phát hành chứng quyền (Covered Warrant) nên có hoạt động mua vào cổ phiếu để làm tài sản bảo đảm cho hoạt động phát hành chứng quyền.
4.	SSI triển khai kế hoạch cho vay margin trong năm 2024 – 2025 như thế nào do tỷ lệ tăng trưởng margin vẫn còn nhiều dư địa so với các công ty cùng ngành? SSI có vay vốn để tăng nguồn cạnh tranh không? Chi phí lãi vay để dùng cho vay margin của SSI là bao nhiêu?	Về kế hoạch cho vay margin trong năm 2024-2025: Cho vay margin vừa mang lại doanh thu cho công ty chứng khoán, vừa tạo ra cơ hội cho nhà đầu tư dùng đòn bẩy để đầu tư. Mục tiêu đến cuối năm 2024, SSI sẽ tăng vốn điều lệ lên khoảng 20.000 tỷ đồng để phục vụ chính cho hoạt động này. Trong hai năm tới, SSI sẽ mở rộng tập khách hàng vay margin; vừa phát triển cho vay, vừa đồng hành quản trị rủi ro nhằm bảo đảm an toàn tài sản cho nhà đầu tư. Về chi phí lãi vay dùng cho hoạt động vay margin: Về nguồn vốn cho vay margin, hiện tại đang sử dụng từ nguồn vốn chủ sở hữu hiện có và vốn huy động. SSI hiện đang là công ty được tín nhiệm cao trên thị trường nên có thể tìm được nguồn vốn vay với giá tốt. Tuy nhiên, hoạt động cho vay margin còn tùy thuộc vào tình hình và nhu cầu thực tế của thị trường. Lãi vay margin tại SSI được đánh giá ở mức thấp hơn thị trường và việc cho vay margin hiện đang hiệu quả, cân đối được nguồn.
5.	Cuối năm 2023, quy mô danh mục đầu tư cổ phiếu niêm yết của SSI chỉ chiếm khoảng 4-5% tỷ trọng danh mục đầu tư, còn lại là chứng chỉ quỹ và trái phiếu. Vậy SSI có định hướng tăng quy mô danh mục đầu tư cổ phiếu niêm yết?	SSI sẽ dựa vào sự biến động của thị trường, tình hình thực tế và việc kiểm soát rủi ro để đánh giá, xem xét điều chỉnh tỷ trọng đầu tư phù hợp cho từng giai đoạn.
6.	Các công ty chứng khoán hiện nay cạnh tranh thị phần bằng chiến lược "zero fee" và kèm cho vay margin. Vậy SSI có áp dụng chính sách này không?	SSI là một trong những đơn vị cung cấp dịch vụ tài chính hàng đầu thị trường. Tùy thuộc vào tình hình thực tế của thị trường và nhu cầu của khách hàng, Công ty sẽ điều chỉnh kế hoạch, chiến lược phù hợp nhằm bảo đảm lợi ích của Công ty và phục vụ nhu cầu đa dạng của nhà đầu tư.

STT	Câu hỏi	Trả lời của Chủ tọa và/hoặc những người được Chủ tọa chỉ định
7.	SSI đã đáp ứng các yêu cầu kết nối với hệ thống KRX chưa? Hệ thống KRX có các quy định giao dịch mới sẽ thay đổi bộ mặt thị trường chứng khoán như thế nào?	SSI đã hoàn thành các đợt kiểm thử của các Sở giao dịch chứng khoán, VSDC. SSI đã sẵn sàng kết nối hệ thống KRX theo đúng tiến độ. Không riêng SSI mà cả thị trường chứng khoán đang mong chờ hệ thống KRX chính thức hoạt động. Hệ thống KRX sẽ là tiền đề để phát triển những sản phẩm tài chính mới trong tương lai.
8.	SSI chia sẻ thêm về định hướng quản lý tài sản cá nhân? Đây sẽ là xu hướng kinh doanh của công ty chứng khoán? SSI đánh giá thế nào về xu hướng phát triển ngành dịch vụ chứng khoán trong 05 năm tới?	Trong những năm vừa qua, ngoài các chủ đề về đầu tư chứng khoán thì chủ đề về quản lý tài sản cá nhân cũng nhận được nhiều quan tâm từ SSI và nhà đầu tư. Theo đánh giá của SSI, trong vòng 10 năm tới, có hai xu hướng chính diễn ra tại Việt Nam: (i) có thêm người giàu mới, người giàu trẻ và (ii) sự chuyển dịch tài sản giữa các thế hệ (cha mẹ - con cái). Các xu hướng nêu trên diễn ra làm nhu cầu quản lý tài sản ngày càng lớn và không nằm ngoài xu thế đó, SSI đã và đang thực hiện chiến lược quản lý tài sản theo nhu cầu của Khách hàng. SSI đã đẩy mạnh mảng ủy thác đầu tư. Đây là những tiền đề quan trọng cho việc quản lý tài sản và hy vọng trong vòng 02 đến 03 năm tới, đồng thời cũng là phần quan trọng của hoạt động quản lý quỹ.
9.	Tại sao năm 2023 SSI không trích lập Quỹ từ thiện?	Quỹ từ thiện đã được trích lập của các năm trước vẫn đủ để sử dụng cho kế hoạch chi phí làm từ thiện trong năm 2024 nên Công ty không đề xuất trích thêm.
10.	Sau sự cố của VnDirect, SSI đã có những biện pháp gì để cho những sự cố về an toàn hệ thống công nghệ thông tin?	Đối với SSI, vấn đề bảo mật hệ thống công nghệ thông tin luôn là mối quan tâm và ưu tiên hàng đầu từ trước đến nay. SSI không ngừng nâng cao chất lượng bảo mật của hệ thống. SSI đã và đang chuẩn bị những phương án trong trường hợp xảy ra sự cố tương tự, cụ thể: (i) Rà soát và xây dựng phương thức để phát hiện những truy cập trái phép vào hệ thống, đồng thời loại bỏ những mối nguy hại từ việc truy cập trái phép trong thời gian ngắn nhất và sẵn sàng nhiều kịch bản để xử lý vấn đề này; (ii) Thường xuyên cập nhật các hình thức tấn công mới để thích ứng, trang bị và rà soát hệ thống; (iii) Xây dựng các biện pháp để sao lưu và phục hồi dữ liệu.
11.	Tại sao kế hoạch năm 2024 doanh thu tăng 11% nhưng lợi nhuận lại tăng đến 19%? Điều gì tạo nên sự khác biệt này?	SSI hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán và ngành này có đặc thù riêng, không giống như các ngành sản xuất hàng hóa thông thường khác. Do đó, việc doanh thu tăng 1% nhưng lợi nhuận có thể tăng nhiều hơn 1% là điều bình thường.
12.	SSI cho biết về kế hoạch phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho đối tác chiến lược?	SSI luôn luôn mong muốn việc phát hành cổ phiếu cho các đối tác chiến lược. Tuy nhiên, việc phát hành phải bảo đảm: (i) Giá phát hành phù hợp; (ii) Nhà đầu tư thích hợp, tạo được giá trị cho công ty và lợi ích cho cổ đông. Việc hợp tác để tạo nên giá trị quan trọng hơn là việc phát hành chỉ nhằm tăng vốn. Công ty vẫn đang theo đuổi kế hoạch này. Khi nào tìm được đối tác thích hợp, Công ty sẽ xin ý kiến triển khai và thông tin đến Nhà đầu tư.
13.	Hiện nay, các CTCK khác phát triển các sản phẩm sử dụng AI như icopytrade, copy24 và dịch vụ ủy thác đầu	Thị trường chứng khoán ra đời nhằm mục đích chính là huy động vốn cho nền kinh tế và thị trường. Các dịch vụ được tạo ra nhằm kết nối vốn và cơ hội đầu tư. Việc sử dụng AI nhằm tăng tiện ích cho nhà đầu tư, SSI cũng có quan tâm. Tuy nhiên

STT	Câu hỏi	Trả lời của Chủ tọa và/hoặc những người được Chủ tọa chỉ định
	tư. SSI có kế hoạch phát triển các sản phẩm mới không? Nếu có SSI có thể chia sẻ thêm kế hoạch như thế nào?	AI cũng chỉ là một công cụ hỗ trợ nhà đầu tư, các chuyên viên tư vấn vẫn đóng vai trò quan trọng.
14.	Kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu diễn ra trong tháng mấy?	SSI đã triển khai phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và ngay khi có sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty sẽ triển khai chi tiết việc phát hành.
15.	SSI giải thích thêm về FVTPL và HTM cao gấp 2 lần vốn chủ sở hữu.	Tại 31/12/2023, tổng tài sản của SSI khoảng 68.000 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu khoảng 22.000 tỷ đồng, phần chênh lệch là nợ vay, gồm ngắn hạn và dài hạn. Nguồn vốn vay tài trợ các nhóm tài sản, gồm tài sản tài chính ngắn hạn 62.000 tỷ đồng và dài hạn 3.450 tỷ đồng. FVTPL và AFS chủ yếu liên quan chứng chỉ tiền gửi của SSI, và nhóm liên quan đầu tư trái phiếu, một phần là đầu tư cổ phiếu và nhóm cổ phiếu hedging cho chứng quyền có bảo đảm. SSI xây dựng bảng cân đối tài sản trên nguyên tắc đề cao quản trị rủi ro và hạn chế tối đa việc đầu tư các tài sản được đánh giá có rủi ro cao.
16.	Thị phần môi giới của SSI trong năm 2023 giảm, SSI có kế hoạch gì cho năm 2024?	Thị phần là một mục tiêu phấn đấu mà không phải là mục tiêu duy nhất mà chúng tôi hướng đến. Mục tiêu quan trọng nhất là hiệu quả và sự phát triển bền vững. Hoạt động kinh doanh của Công ty còn phụ thuộc vào lợi ích của khách hàng, sự an toàn trong hoạt động và phù hợp chiến lược kinh doanh.
17.	SSI đã chuẩn bị thể nào cho khối ngoại thanh toán giao dịch mua chứng khoán không ký quỹ 100% tiền (bỏ "pre-funding")?	SSI là công ty tích cực tham gia tìm kiếm giải pháp về việc bỏ "Pre-funding" và hiện tại đã sẵn sàng triển khai khi UBCK cho phép.
18.	Rủi ro lớn nhất đối với thị trường chứng khoán và với SSI?	Rủi ro lớn nhất đối với thị trường chứng khoán, cũng như SSI là sự mất lòng tin của nhà đầu tư. Rủi ro này hiện chưa xảy ra. Tình hình kinh tế hiện nay khả quan, vẫn đang tiếp tục phát triển và thanh khoản vẫn tăng.
19.	iBoard pro của SSI rất ấn tượng, SSI có dự định thêm số liệu về tự doanh tại iBoard pro?	iBoard web có hiển thị thông tin về giao dịch tự doanh theo số liệu được cung cấp của các Sở giao dịch chứng khoán, và có độ trễ là một ngày. Các nhà đầu tư cũng không nên quá quan trọng thông tin về giao dịch tự doanh, do các công ty chứng khoán có thể mua bán tự doanh nhưng mục đích là thực hiện một số nghiệp vụ như hedging cho thị trường chứng quyền hay nghiệp vụ giao dịch hoán đổi của quỹ ETF.
20.	Có công ty chứng khoán cung cấp sản phẩm chia nhỏ bất động sản, SSI có định cung cấp dịch vụ này?	SSI là công ty chứng khoán thận trọng với các sản phẩm có rủi ro cao. SSI không có ý định cung cấp sản phẩm tương tự.
21.	Tài sản chuyển vào tài khoản giao dịch chứng khoán tại SSI để mua cổ phiếu có được SSI bảo đảm không?	SSI luôn bảo đảm an toàn cho các tài sản của khách hàng, nhà đầu tư gửi tại SSI trong mọi trường hợp.
22.	SSI đánh giá thế nào về ngành bất động sản đến hết năm 2024? Ngành nghề nào đáng chú ý?	Theo chúng tôi đánh giá, ngành bất động sản hiện có nhiều chính sách của chính phủ để cải thiện tình hình, như lùi thời hạn thanh toán trái phiếu doanh nghiệp, lãi suất thấp, do đó ngành bất động sản có thể đã ở cuối chu kỳ giảm, và có thể phục hồi trong cuối 2024. SSI hiện lạc quan với ngành bất động sản. Các ngành có tăng trưởng về sản xuất kinh doanh có thể đóng vai trò dẫn dắt thị trường, ví dụ như tiêu dùng, bán lẻ, ngành

STT	Câu hỏi	Trả lời của Chủ tọa và/hoặc những người được Chủ tọa chỉ định
		liên quan đến công nghệ như AI, bán dẫn, những ngành hưởng lợi từ nguồn vốn FDI.

Kết thúc phần thảo luận và các cổ đông không có câu hỏi nào khác. Chủ tọa đề nghị Ban tổ chức tiến hành thủ tục biểu quyết và bầu cử.

III. BIỂU QUYẾT VỀ CÁC VẤN ĐỀ ĐÃ ĐƯỢC THẢO LUẬN

Ông Nguyễn Kim Long – Giám đốc Luật và KSTT hướng dẫn cách thức biểu quyết và bầu cử tại Đại hội.

Vào lúc **16 giờ 00** ngày 25/4/2024, tại thời điểm tiến hành kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử, số lượng cổ đông tham dự là **891 người**, trong đó có **378 cổ đông** trực tiếp tham dự và **513 cổ đông** ủy quyền tham dự, đại diện cho **812.335.056 cổ phần**, chiếm **54,19%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Cổ đông tiến hành biểu quyết và bầu cử.

IV. ĐẠI HỘI GIẢI LAO

BAN KIỂM PHIẾU KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT VÀ PHIẾU BẦU CỬ

V. KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT VÀ BẦU CỬ

Kết thúc thời gian giải lao và sau khi Ban kiểm phiếu hoàn tất việc kiểm phiếu, Chủ tọa mời cổ đông tiếp tục Đại hội.

Chủ tọa mời Ban tổ chức công bố kết quả biểu quyết và bầu cử.

1. Kết quả bầu cử Thành viên HĐQT

- i. Tổng số Phiếu bầu cử phát ra: **387** phiếu, đại diện 100% tổng số cổ phần tham dự Đại hội.
- ii. Tổng số Phiếu bầu cử thu vào: **296** phiếu; trong đó:
 - Số phiếu hợp lệ: **282** phiếu
 - Số phiếu không hợp lệ: **14** phiếu

iii. Kết quả bầu cử:

STT	Họ và tên	Tổng số phiếu bầu	Tỷ lệ bầu (%)
1.	Ông Nguyễn Hồng Nam	785.592.762	95,81
2.	Ông Phạm Viết Muôn	785.137.114	95,75

2. Kết quả biểu quyết thông qua các vấn đề đã trình bày và thảo luận

- i. Tổng số Phiếu biểu quyết phát ra: **387** phiếu, đại diện 100% tổng số cổ phần tham dự Đại hội.
- ii. Tổng số Phiếu biểu quyết thu vào: **308** phiếu, trong đó:
 - Số phiếu hợp lệ: **296** phiếu
 - Số phiếu không hợp lệ: **12** phiếu
- iii. Kết quả kiểm phiếu như sau:

STT	Nội dung	Tổng số cổ phần và tỷ lệ biểu quyết
-----	----------	-------------------------------------

		Tán thành (%, cổ phần)	Không tán thành (%, cổ phần)	Không có ý kiến (%, cổ phần)
1	Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2023, kế hoạch kinh doanh năm 2024	96,96	0,00	0,75
		795.045.806	0	6.178.070
2	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023	96,96	0,00	0,75
		795.045.785	0	6.178.091
3	Báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán và các thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán năm 2023	96,96	0,00	0,75
		795.045.805	0	6.178.071
4	Báo cáo tài chính 2023 đã kiểm toán	96,96	0,00	0,75
		795.047.785	0	6.176.091
5	Phân phối lợi nhuận năm 2023	95,89	0,00	1,82
		786.289.313	10.073	14.924.490
6	Thù lao cho Hội đồng quản trị năm 2024	96,96	0,00	0,75
		795.028.805	10.000	6.185.071
7	Chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2024	94,19	0,00	3,53
		772.309.428	0	28.914.448
8	Tiếp tục thực hiện các Phương án chào bán, phát hành cổ phiếu đã được ĐHĐCĐ thông qua trong năm 2023	96,48	0,00	1,23
		791.135.151	100	10.088.625
9	Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2024 <i>Đã loại trừ 260.424.197 cổ phần của người có liên quan là thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, nhân viên Công ty, công ty con, cổ đông là người có liên quan với các đối tượng trên)</i>	86,22	9,31	1,11
		482.444.151	52.116.858	6.238.670
10	Bầu 02 thành viên Hội đồng quản trị	95,64	1,28	0,79
		784.239.286	10.483.000	6.501.590

G. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

- Ông Nguyễn Kim Long – Giám đốc Luật và KSTT đọc dự thảo Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Cổ đông không có đề nghị sửa đổi, bổ sung dự thảo Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã trình bày.
- ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua nội dung dự thảo Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ với tỷ lệ tán thành **100%**.
- Chủ tọa cảm ơn Cổ đông đã đồng hành cùng Công ty và tuyên bố bế mạc Đại hội.

Đại hội kết thúc lúc 16 giờ 50 phút cùng ngày.

Thư ký Đại hội

Chủ tọa



Bùi Quang Minh



Trần Huỳnh Phương Quyên



Nguyễn Duy Hưng



TỜ TRÌNH
TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÁC PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN, PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU
ĐÃ ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA
SUBMISSION FOR THE APPROVAL OF CONTINUING THE IMPLEMENTATION
OF THE PLANS ON THE OFFERING AND ISSUANCE OF SHARES
APPROVED BY THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Kính thưa Đại hội,

Ladies and Gentlemen

Đại hội đồng cổ đông Công ty trong năm 2023 đã thông qua (i) Tiếp tục thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tối đa 104.042.344 cổ phần theo Điều 6 Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2023 và (ii) Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2023 tối đa 10.000.000 cổ phần theo Điều 7 Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2023 và (iii) Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua và Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tối đa 453.339.040 cổ phần theo Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/12/2023.

The General Meeting of Shareholders in 2023 approved (i) Continue the implementation of the Plan on private placement with the maximum quantity of 104,042,344 shares pursuant to the Article 6 of the Resolution No. 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ dated April 25, 2023 and (ii) the Plan on shares issuance under the employee stock ownership plan (ESOP) in 2023 with the maximum quantity of 10,000,000 shares pursuant to the Article 7 of the Resolution No. 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ dated April 25, 2023 and (iii) the Plan on additional shares offering for existing shareholders with subscription rights and the Plan on shares issuance for charter capital injection from owner equity with the maximum quantity of 453,339,040 shares pursuant to the Resolution No. 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ dated December 20, 2023

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 272 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Phương án chào bán, phát hành cổ phiếu đã được thông qua tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nhưng chưa được thực hiện sẽ cần trình lại Đại hội đồng cổ đông thường niên để báo cáo và xác nhận tiếp tục triển khai.

According to Clause 2, Article 272 of Decree No. 155/2020/NĐ-CP dated December 31, 2020 of the Government detailing the implementation of some articles of the Law on Securities, the Plans on the offering and issuance of shares that have been approved at the Resolutions of the General Meeting of Shareholders but have not been implemented shall be resubmitted to the Annual General Meeting of Shareholders for reporting and confirmation of continued implementation

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về các phương án chào bán, phát hành còn chưa thực hiện gồm:

The Board of Directors (BOD) reports to General Meeting of Shareholders (GMS) on unimplemented issuance plans as follows:

- Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua và Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Plan on additional shares offering for existing shareholders with subscription rights and the Plan on shares issuance for charter capital injection from owner equity.

- Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

Plan on private placement.

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua các nội dung như sau:

The BOD submits to the GMS for approval the following contents

1. Thông qua việc tiếp tục thực hiện và sửa đổi Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua và Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Điều 1 Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/12/2023 (Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ) như sau:

Approve continuing the implementation and amendment of the Plan on additional shares offering for existing shareholders with subscription rights and the Plan on shares issuance for charter capital injection from owner equity approved by the GMS in Article 1 of Resolution No. 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ dated December 20, 2023 (Resolution No. 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ) as follows

Nội dung Contents	Nội dung ĐHĐCĐ đã thông qua tại Điều 1 Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ Contents approved by GMS in Article 1 of Resolution No. 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ	Nội dung sửa đổi Amended contents
Thời gian dự kiến phát hành <i>Estimated issuance period</i>	Năm 2023 – 2024 hoặc thời hạn khác theo quyết định của HĐQT <i>In 2023 – 2024 or other period after getting approval from the Board of Directors</i>	Năm 2024 – 2025 hoặc thời hạn khác theo quyết định của HĐQT. <i>In 2024 – 2025 or other period after getting approval from the Board of Directors</i>

2. Thông qua việc tiếp tục thực hiện và sửa đổi Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Điều 6 Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2023 (Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ) như sau:

Approve continuing the implementation and amendment of the Plan on private placement outlined in Article 6 of Resolution No. 01/2023/NQ- ĐHĐCĐ dated April 25, 2023 (Resolution No. 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ)

<p>Nội dung Contents</p>	<p>Nội dung ĐHĐCĐ đã thông qua tại Điều 6 Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ Contents approved by GMS in Article 6 of Resolution No. 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ</p>	<p>Nội dung sửa đổi Amended contents</p>
<p>Số lượng nhà đầu tư <i>Quantity of investors</i></p>	<p>Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định số lượng nhà đầu tư được mua cổ phần phù hợp với tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư <i>Authorizing the Board of Directors to make decision on the investors quantity eligible for purchasing shares to comply with criteria on investors selection</i></p>	<p>Dưới 20 nhà đầu tư <i>Less than 20 investors</i></p>
<p>Hạn chế chuyển nhượng <i>Restricted to transfer</i></p>	<p>Cổ phần chào bán riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. <i>Shares under the private placement will be restricted within 03 years with the strategic shareholders and within 01-year professional investors since the completion date of issuance</i></p> <p>Việc chào bán không bị hạn chế trong trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án, đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài, hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật. <i>The placement shall not be restricted in the event that transferring between the professional investors or pursuant to the valid judgment or decision of the Court, decision of Tribunal or inheritance in compliance with the applicable laws</i></p>	<p>Hạn chế chuyển nhượng 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật. <i>Restriction on transfer for 03 years for strategic investors and 01 year for professional investors from the date of completion of the offering, except for transferring between the professional investors or pursuant to the valid judgment or decision of the Court, decision of Tribunal or inheritance in compliance with the applicable laws</i></p>
<p>Thời gian dự kiến chào bán</p>	<p>Năm 2023 – 2024 hoặc thời hạn khác do HĐQT quyết định.</p>	<p>Năm 2024 – 2025 hoặc thời hạn khác theo quyết định của HĐQT.</p>

08 -
NG
PH
G KH
SSI
P. HỒ

Nội dung <i>Contents</i>	Nội dung ĐHĐCĐ đã thông qua tại Điều 6 Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ <i>Contents approved by GMS in Article 6 of Resolution No. 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ</i>	Nội dung sửa đổi <i>Amended contents</i>
<i>Expected implementation</i>	<i>In 2023 – 2024 or other periods decided by the BOD</i>	<i>In 2024 – 2025 or other period decided by the Board of Directors.</i>

Các nội dung còn lại của các Phương án phát hành, chào bán cổ phiếu nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua không sửa đổi và vẫn giữ nguyên hiệu lực.

The remaining contents of the above Plans on issuance, offering of shares approved by the General Meeting of Shareholders are not amended and remain in effect.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

For the General Meeting of Shareholders' consideration and approval.

TP. HCM, ngày 02 tháng 04 năm 2024
HCMC, April 02, 2024

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
For and on behalf of the Board of Directors
CHỦ TỊCH
Chairman



[Handwritten signature]

Nguyễn Duy Hưng





ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 5 năm 2024



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	2
CHƯƠNG III. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH, MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	3
Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh và Mục tiêu hoạt động của Công ty	3
Điều 5. Phạm vi kinh doanh hoạt động và Nguyên tắc hoạt động của Công ty	3
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU	4
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần	4
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	4
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	5
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	5
Điều 10. Chào bán sản phẩm tài chính	5
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	5
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	5
CHƯƠNG VI. CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG	5
Điều 12. Quyền của cổ đồng	5
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đồng	7
Điều 14. Đại hội đồng cổ đồng	7
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đồng	8
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đồng	9
Điều 17. Thay đổi các quyền	10
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đồng	10
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đồng	11
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đồng	11
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đồng được thông qua	12
Điều 22. Thảm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đồng bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đồng	13
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đồng	14
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đồng	15
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	15
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	15
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	16
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	17
Điều 28. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	18
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	18
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	19
Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	21
Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty và Thư ký công ty	21
CHƯƠNG VIII. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	22
Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán	22
Điều 35. Thành phần Ủy ban Kiểm toán	22
Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán	22
Điều 37. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán	23
Điều 38. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đồng thường niên	23
CHƯƠNG IX. HỘI ĐỒNG ĐẦU TƯ	24
Điều 39. Cơ cấu, chức năng của Hội đồng đầu tư	24
Điều 40. Cơ chế hoạt động của Hội đồng đầu tư	24
CHƯƠNG X. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	24
Điều 41. Tổ chức bộ máy quản lý	24
Điều 42. Người điều hành Công ty	25
Điều 43. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	25

CHƯƠNG XI. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	26
Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	26
Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	27
CHƯƠNG XII. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	27
Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	27
CHƯƠNG XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	27
Điều 47. Công nhân viên và công đoàn.....	27
CHƯƠNG XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	28
Điều 48. Phân phối lợi nhuận	28
CHƯƠNG XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	28
Điều 49. Tài khoản ngân hàng.....	28
Điều 50. Năm tài chính	28
Điều 51. Chế độ kế toán	28
CHƯƠNG XVI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN 29	
Điều 52. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	29
Điều 53. Báo cáo thường niên.....	29
CHƯƠNG XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	29
Điều 54. Kiểm toán	29
CHƯƠNG XVIII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	29
Điều 55. Dấu của doanh nghiệp	29
CHƯƠNG XIX. TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY	29
Điều 56. Tổ chức lại công ty	30
Điều 57. Giải thể công ty.....	30
Điều 58. Thanh lý.....	30
Điều 59. Phá sản	30
CHƯƠNG XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	30
Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ	30
CHƯƠNG XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	31
Điều 61. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty	31
CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC	31
Điều 62. Ngày hiệu lực	31

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ pháp lý

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/5/2021 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI;
- Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 36/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/5/2024;
- Quyết định số 25/2024/QĐ-CTHĐQT ngày 20/5/2024 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc;
 - h. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này;
 - i. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - j. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - k. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - l. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại khoản 5 Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - m. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SSI SECURITIES CORPORATION
- Tên Công ty viết tắt: SSI

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-28) 3824 2897
- Fax: (84-28) 3824 2997
- E-mail: ssi@ssi.com.vn
- Website: <http://www.ssi.com.vn>

4. Mạng lưới hoạt động:

Mạng lưới hoạt động của Công ty gồm có trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện.

Công ty có thể thành lập chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 57 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

6. Tòa án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH, MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh và Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:
 - a. Môi giới chứng khoán;
 - b. Tự doanh chứng khoán;
 - c. Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - d. Tư vấn đầu tư chứng khoán;
 - e. Kinh doanh chứng khoán phái sinh;
 - f. Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.
2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty được cung cấp các dịch vụ tài chính theo quy định của Điều 86 Luật Chứng khoán và các quy định khác của pháp luật.
3. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Mục tiêu hoạt động của Công ty là huy động và sử dụng vốn có hiệu quả nhằm thu được lợi nhuận tối đa; tạo công ăn việc làm cho người lao động; tăng lợi tức cho cổ đông; đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh hoạt động và Nguyên tắc hoạt động của Công ty

1. Phạm vi kinh doanh và hoạt động:

Công ty tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này.
2. Nguyên tắc hoạt động quản trị, điều hành:
 - a. Tuân thủ các quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan về quản trị công ty.
 - b. Phải phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phù hợp với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
 - c. Phải thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông, thành viên để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, giữa các thành viên, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, của thành viên.
 - d. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ công ty và trong giao dịch với người có liên quan.
 - e. Phải bảo đảm nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.
3. Nguyên tắc hoạt động nghiệp vụ:
 - a. Phải ban hành các quy trình hoạt động cho các nghiệp vụ.
 - b. Phải ban hành quy tắc đạo đức hành nghề.
 - c. Công ty và nhân viên Công ty không được thực hiện đầu tư thay cho khách hàng trừ trường hợp ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân theo quy định của pháp luật.
 - d. Có trách nhiệm trung thực với khách hàng, không được xâm phạm tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng. Thực hiện quản lý tách biệt tài sản của từng khách hàng, tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của Công ty.
 - e. Có trách nhiệm ký hợp đồng với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng.
 - f. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Công ty khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng không được trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện các hành vi sau:
 - Quyết định đầu tư chứng khoán thay cho khách hàng;

- Thỏa thuận với khách hàng để chia sẻ lợi nhuận hoặc lỗ;
 - Quảng cáo, tuyên bố rằng nội dung, hiệu quả, hoặc các phương pháp phân tích chứng khoán của mình có giá trị cao hơn của công ty chứng khoán khác;
 - Có hành vi cung cấp thông tin sai sự thật để dụ dỗ hay mời gọi khách hàng mua bán một loại chứng khoán nào đó;
 - Cung cấp thông tin sai lệch, gian lận, hoặc gây hiểu nhầm cho khách hàng;
 - Các hành vi khác trái với quy định của pháp luật.
- g. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
- h. Thực hiện công bố thông tin và báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định của pháp luật.
- i. Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục.
- j. Thực hiện giám sát giao dịch chứng khoán theo quy định.
- k. Phải thiết lập một bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng.
- l. Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật chứng khoán và pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 15.111.301.370.000 đồng (Mười lăm nghìn một trăm mười một tỷ ba trăm linh một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.511.130.137 cổ phần. Mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ có cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản

phát hành hoặc theo quy định của pháp luật), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
5. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ các trường hợp hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi thông qua phương án phát hành. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Chào bán sản phẩm tài chính

1. Căn cứ quy định của pháp luật và chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Công ty sẽ thực hiện chào bán các sản phẩm tài chính (bao gồm chứng quyền có bảo đảm) và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan.
2. Chứng quyền có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho Công ty theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.
3. Người sở hữu chứng quyền là chủ nợ có bảo đảm một phần của Công ty (không bao gồm lượng chứng quyền chưa lưu hành). Bên cạnh đó, người sở hữu chứng quyền có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bản cáo bạch khi chào bán chứng quyền, bao gồm nhưng không giới hạn trong các quyền nhận thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao chứng khoán cơ sở, chuyển nhượng, tặng cho, để lại thừa kế, cầm cố, thế chấp,...

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng đầu tư.
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 Điều lệ này;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
4. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức:
- a. Nhận cổ tức theo quy định tại Điều lệ này;
 - b. Nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi Công ty giải thể hoặc phá sản;
 - c. Được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.

5. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại:
 - a. Được Công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại;
 - b. Được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị.
6. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi khác thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo hướng dẫn của Hội đồng quản trị.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc gia hạn. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - c. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại;
 - d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại cổ phần đã bán của mỗi loại theo Điều 133 Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp mua lại theo quy định tại Khoản 2 Điều 36 Luật Chứng khoán;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 38 Điều lệ này;
 - e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - f. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - g. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - h. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;
 - i. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
 - j. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - k. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - l. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - m. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - n. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - o. Quyết định mua lại cổ phần đã bán của mỗi loại theo Điều 133 Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp mua lại theo quy định tại Khoản 2 Điều 36 Luật Chứng khoán;
 - p. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - q. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, trừ giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 27 Thông tư số 121/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ tài chính quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán;
 - r. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - s. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 6 Điều 13 Điều lệ này.
- 2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
- 3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- 4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, Điều 20 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc hoặc theo địa chỉ thư điện tử làm việc do Công ty cung cấp.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

Chương trình họp, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có) được gửi cho các cổ đông cùng Thông báo mời họp. Công ty phải công bố tài liệu họp trên trang thông tin điện tử của Công ty và thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Khi đăng ký, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ/phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông (và/hoặc của người được ủy quyền) và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, thành viên độc lập Hội đồng quản trị điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều 17, khoản 8 Điều 22 Điều lệ và khoản 3 Điều này:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, khoản 3 Điều này và khoản 1 Điều 17, khoản 8 Điều 22 Điều lệ.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc và ứng cử viên có số phiếu bầu cao trúng cử.
4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 21 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c. Biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác như quy định tại khoản 10 Điều 20 Điều lệ;
 - d. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông hoặc kể từ ngày Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này;
 - b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo cơ chế sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) thành viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai (02) thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba (03) thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn (04) thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng;
 - c. Không phải là Tổng giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị của trên 05 công ty khác;
 - d. Không từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc đại diện theo pháp luật của một công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng;
 - e. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
5. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là Người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
6. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 5 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 người và nhiều nhất là 11 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
 - a. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Công ty hướng tới cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị có sự cân bằng về giới tính, độ tuổi, kinh nghiệm và kiến thức phù hợp với định hướng phát triển dài hạn.
 - b. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:
 - Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên;
 - Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 31 Điều lệ này.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;
 - b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;
 - c. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;
 - d. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - e. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - f. Quyết định việc phát hành trái phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu;
 - g. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - h. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi của Công ty;
 - i. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp và mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật Chứng khoán, trừ trường hợp mua lại để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lộ lẽ do Tổng Giám đốc quyết định; quyết định phương án bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
 - j. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật, trừ các quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng đầu tư;
 - k. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - l. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 Điều lệ này và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - m. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó;
 - n. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - o. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - p. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - q. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - r. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - s. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định việc tạm ứng cổ tức;
 - t. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - u. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

- v. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - w. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
 - x. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;
 - y. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ theo Điều 277 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
 4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - f. Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của Hội đồng quản trị;

- g. Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục chi phối hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - h. Thường xuyên gặp gỡ Tổng giám đốc và đóng vai trò là người liên lạc giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc;
 - i. Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng quản trị với Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - j. Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông;
 - k. Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của Hội đồng quản trị, các bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - l. Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong Hội đồng quản trị;
 - m. Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế;
 - o. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
 5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp, trừ trường hợp cấp thiết. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

7. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức họp trực tuyến khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

12. Ngôn ngữ. Các thảo luận tại các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành bằng tiếng Việt. Các thành viên Hội đồng quản trị không thể nói hoặc không hiểu tiếng Việt có thể mang theo phiên dịch cho bản thân mình đến các cuộc họp Hội đồng quản trị.
13. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị có thể thay thế bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Chủ tịch Hội đồng quản trị lập Biên bản kiểm phiếu dựa trên kết quả biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị và ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị dựa trên các nội dung đã được thông qua. Số lượng tham gia biểu quyết không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một (01) chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được lập biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tại trụ sở Công ty. Biên bản họp lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có đầy đủ nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

15. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 25 Điều lệ này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng và đã thông báo đến Chủ tọa cuộc họp.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ này.
5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng và các tiểu ban khác. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 2 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
3. Hội đồng quản trị phải thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ quản trị rủi ro và nhiệm vụ kiểm soát nội bộ theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Thông tư số 121/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.

Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty và Thư ký công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể quyết định bổ nhiệm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, và theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e. Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - f. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, không được cung cấp cho bất kỳ bên thứ ba nào hoặc sử dụng cho chính mình bất kỳ thông tin nào có được trong quá trình làm việc tại Công ty, tham gia các cuộc họp để gây bất lợi, thiệt hại cho Công ty.

CHƯƠNG VIII. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 35. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.
3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.

5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
6. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính Của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty.
7. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro.
8. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
9. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty và việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ kiểm toán nội bộ, các nguyên tắc kiểm toán nội bộ theo Khoản 2, Khoản 3 Điều 9 Thông tư 121/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.
10. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt.
11. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán.
12. Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.
13. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 37. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 38. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - b. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
 - c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
 - d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
 - f. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty;
 - g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

CHƯƠNG IX. HỘI ĐỒNG ĐẦU TƯ

Điều 39. Cơ cấu, chức năng của Hội đồng đầu tư

1. Hội đồng đầu tư gồm các thành viên:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - b. Tổng giám đốc;
 - c. Phó Tổng giám đốc;
 - d. Giám đốc Tài chính;
 - e. Giám đốc Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính; và
 - f. Trưởng bộ phận Quản lý Rủi ro.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng đầu tư.
3. Các cá nhân được bầu cử, bổ nhiệm giữ các chức vụ nêu trên đương nhiên là thành viên của Hội đồng đầu tư và mất tư cách thành viên Hội đồng đầu tư khi họ không còn giữ các chức danh nêu trên.
4. Hội đồng đầu tư có thẩm quyền quyết định các vấn đề sau:
 - a. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
 - b. Góp vốn hoặc mua bán phần vốn góp tại các doanh nghiệp, mua hoặc bán chứng khoán niêm yết hoặc chưa niêm yết (không bao gồm việc kinh doanh ngắn hạn);
 - c. Kế hoạch xây dựng, mua sắm trang thiết bị, tài sản cố định hàng năm hoặc nhu cầu mua sắm bổ sung phát sinh trong năm nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh;
 - d. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - e. Các hợp đồng khác không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng quản trị và chưa phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định;
 - f. Việc thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh phát hành.

Điều 40. Cơ chế hoạt động của Hội đồng đầu tư

1. Cuộc họp của Hội đồng đầu tư được tiến hành khi có ít nhất bốn (04) thành viên của Hội đồng đầu tư hoặc người được ủy quyền, trong đó phải có Chủ tịch Hội đồng đầu tư hoặc người được ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng đầu tư. Hội đồng đầu tư có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, trao đổi qua các phương tiện truyền thông. Các quyết định của Hội đồng đầu tư phải được thể hiện bằng văn bản.

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng đầu tư có thể mời các cá nhân khác tham gia phát biểu ý kiến trong cuộc họp của Hội đồng đầu tư, tuy nhiên, các cá nhân được mời không được biểu quyết.
2. Quyết định của Hội đồng đầu tư được thông qua khi được hơn một phần hai (1/2) số thành viên của Hội đồng đầu tư dự họp biểu quyết tán thành, trong đó phải có Chủ tịch Hội đồng đầu tư.
3. Hội đồng đầu tư ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng đầu tư để quy định chi tiết các nội dung quy định Điều 39 và Điều 40 Điều lệ này và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Hội đồng đầu tư.
4. Đại hội đồng cổ đông quyết định thù lao cho Hội đồng đầu tư.

CHƯƠNG X. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 41. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của

Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 42. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 43. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 03 năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện như sau:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp, không phải là người đã từng hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;
 - b. Có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;
 - c. Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ;
 - d. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn 06 tháng gần nhất;
 - e. Không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên cho công ty chứng khoán khác; không đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và doanh nghiệp khác;
 - f. Các điều kiện khác quy định đối với Tổng giám đốc công ty chứng khoán và công ty đại chúng theo quy định của pháp luật.
5. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính, thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g. Kiến nghị số lượng và các loại Người điều hành Công ty mà thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm phù hợp hoạt động cũng như cơ cấu quản lý tốt, đồng thời tư vấn đề Hội đồng quản trị

quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người điều hành công ty;

- h. Tuyển dụng lao động;
 - i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - j. Chậm nhất ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm, trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quy định khác;
 - k. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - l. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG XI. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

- b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XII. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 47. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các chính sách liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các chính sách liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn hoặc tổ chức đại diện người lao động theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 48. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán hay tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 49. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 50. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày thành lập và kết kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 51. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XVI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 52. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
3. Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

Điều 53. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 54. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVIII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 55. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG XIX. TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 56. Tổ chức lại công ty

1. Việc tổ chức lại Công ty (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi) thực hiện quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Trình tự, thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật liên quan.

Điều 57. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.
3. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không đang trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài.
4. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể thực hiện theo quy định của Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 58. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 59. Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;



b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu, chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 30 ngày làm việc từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 61. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định. Hội đồng quản trị có thể cập nhật Vốn điều lệ và Tổng số cổ phần đã phát hành quy định tại Điều 6.1 tương ứng với số cổ phần thực tế đã phát hành sau khi kết thúc mỗi đợt phát hành cổ phần theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 62. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 22 Chương, 62 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI nhất trí thông qua ngày 22 tháng 5 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
Vốn điều lệ và Tổng số cổ phần đã phát hành quy định tại Khoản 1 Điều 6 Điều lệ này được cập nhật theo Quyết định số 25/2024/QĐ-CTHĐQT ngày 20/5/2024 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 36/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/5/2024.
2. Điều lệ được lập thành 01 bản gốc và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.



CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
SSI
TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Duy Hưng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

BẢN SAO



**ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC**

Số: 03/GPHĐKD

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2000

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

- Căn cứ Nghị định số 75/CP ngày 28 tháng 11 năm 1996 của Chính phủ về việc thành lập Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Căn cứ Nghị định số 48/1998/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 1998 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Xét hồ sơ xin cấp phép hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn ngày 27 tháng 12 năm 1999.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 - Cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán cho:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn.
- Trụ sở chính đặt tại: 17 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy phép thành lập số 3041/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999.
- Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng).

Điều 2 - Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn được phép thực hiện các loại hình kinh doanh sau đây:

- 1. Môi giới**
- 2. Tư vấn đầu tư chứng khoán**



Điều 3 - Trong quá trình hoạt động, Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn phải tuân thủ pháp luật Việt Nam về chứng khoán và thị trường chứng khoán, các văn bản pháp luật khác có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 4 - Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán, Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn phải khai trương hoạt động. Sau thời hạn trên, nếu Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn không khai trương hoạt động, Giấy phép này mặc nhiên hết hiệu lực.

Điều 5 - Giấy phép này được lập thành ba (03) bản gốc; một (01) bản cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn; một (01) bản gửi cho Trung tâm giao dịch chứng khoán; một (01) bản đăng ký tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC



NGUYỄN ĐỨC QUANG

Văn Phòng Công Chứng Bến Thành
97-99-101 Nguyễn Công Trứ, Quận 1

**CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: 007771... Quyển số: 01 SCT/BS

Ngày: 03-04-2024

Công chứng viên



Dinh Quyết Chiến

56.276/QĐ-UBCK

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v chấp thuận thay đổi địa chỉ Trụ sở chính Công ty Chứng khoán Sài Gòn

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 161/2004/QĐ-TTg ngày 07 tháng 9 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Căn cứ Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 03/QĐ-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 4 năm 2000;

Xét Hồ sơ đề nghị thay đổi địa điểm Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Kinh doanh Chứng khoán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận cho:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

được thay đổi địa điểm Trụ sở chính đến: **Số 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, đồng thời là một phần không thể tách rời của Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 03/QĐ-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/4/2000.

Công ty Chứng khoán Sài Gòn phải thực hiện việc công bố Quyết định này theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Quản lý Kinh doanh Chứng khoán, các Giám đốc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn và các bên liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn Phòng Công Chứng Bến Thành

97-99-101 Nguyễn Công Trứ, Quận 1

Nơi nhận: **CHỨNG THỰC BẢN SAO**

- Như Điều 3; **ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

- Lưu VP. Ban Quản lý Chứng khoán; Quyền số: 01 SCT/BS

Số chứng thực: **08175** Ngày: **05-04-2024**

Công chứng viên



CHỦ TỊCH

Vũ Bằng

Phạm Thị Ngọc Phượng

BỘ TÀI CHÍNH
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *104*/GPĐC-UBCK

Hà Nội, ngày *17* tháng *12* năm 2018

GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH
Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán
CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Nghị định số 86/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh chứng khoán;
Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;
Căn cứ Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán;
Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán;
Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 4 năm 2000;





Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động về việc thay đổi tên của Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý kinh doanh chứng khoán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 03/GPHĐKD ngày 05 tháng 4 năm 2000 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn với nội dung như sau:

- Tên công ty viết bằng tiếng việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SSI SECURITIES CORPORATION

- Tên viết tắt: SSI

Điều 2. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động số 03/GPHĐKD ngày 05 tháng 4 năm 2000 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn;

Các nội dung quy định tại Điều lệ của Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn phải được sửa đổi theo quy định tại Giấy phép điều chỉnh này.

Điều 3. Giấy phép điều chỉnh được lập thành hai (02) bản chính: 01 bản cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán SSI; 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. /h

Văn Phòng Công Chứng Bến Thành

97-99-101 Nguyễn Công Trứ, Quận 1

CHỨNG THỰC BẢN SAO

ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 08...1...7...6... Quyển số: 01 SCT/BS

Ngày: 05...04...2024

Công chứng viên



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Phạm Hồng Sơn



Phạm Thị Ngọc Phượng

BỘ TÀI CHÍNH
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **24** /GPĐC-UBCK

Hà Nội, ngày **04** tháng **4** năm 2023

GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH
Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty cổ phần chứng khoán SSI số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 4 năm 2000;

Căn cứ hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động về việc tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần chứng khoán SSI;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý kinh doanh chứng khoán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 03/GPHĐKD ngày 05 tháng 4 năm 2000 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán SSI với nội dung như sau:

Vốn điều lệ: 15.011.301.370.000 đồng (Mười lăm nghìn không trăm mười một tỷ ba trăm linh một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

Điều 2. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động số 03/GPHĐKD ngày 05 tháng 4 năm 2000 do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán SSI;

Các nội dung quy định tại Điều lệ của Công ty cổ phần chứng khoán SSI phải được sửa đổi theo quy định tại Giấy phép điều chỉnh này.

Điều 3. Giấy phép điều chỉnh được lập thành hai (02) bản chính: 01 bản cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán SSI; 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước./.

CHỦ TỊCH



Vũ Thị Chân Phương

Văn Phòng Công Chứng Bến Thành

97-99-101 Nguyễn Công Trứ, Quận 1

CHỨNG THỰC BẢN SAO

ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 08170 Quyển số: 01 SCT/BS

Ngày: 05-04-2024

Công chứng viên



Phạm Thị Ngọc Phượng



BẢN SAO

BỘ TÀI CHÍNH
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **36** /GPĐC-UBCK

Hà Nội, ngày **16** tháng **5** năm **2024**

GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH
Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty cổ phần chứng khoán SSI số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 4 năm 2000;

Căn cứ hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động và việc thay đổi vốn điều lệ của Công ty cổ phần chứng khoán SSI;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý kinh doanh chứng khoán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 03/GPHĐKD ngày 05 tháng 4 năm 2000 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán SSI với nội dung như sau:

Vốn điều lệ: 15.111.301.370.000 đồng (Mười lăm nghìn một trăm mười một tỷ ba trăm linh một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

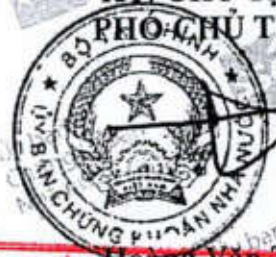
Điều 2. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động số 03/GPHĐKD ngày 05 tháng 4 năm 2000 do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán SSI;

Các nội dung quy định tại Điều lệ của Công ty cổ phần chứng khoán SSI phải được sửa đổi theo quy định tại Giấy phép điều chỉnh này.



Điều 3. Giấy phép điều chỉnh được lập thành hai (02) bản chính: 01 bản cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán SSI; 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**KI. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Handwritten signature

CHỨNG THỰC BẢN SÁO DÙNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 16058, Quyển số: 17 SCT/BS
Ngày: 17-05-2024



**CÔNG CHỨNG VIÊN
PHÍ THỊ HIỀN**



BẢN SAO

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0301955155

Đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 04 năm 2000

Đăng ký thay đổi lần thứ: 27, ngày 24 tháng 03 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SSI SECURITIES CORPORATION

Tên công ty viết tắt: SSI

2. Địa chỉ trụ sở chính

72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 3824 2897

Fax: (84-28) 3824 2997

Email: info@ssi.com.vn

Website: <http://www.ssi.com.vn>

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 9.847.500.220.000 đồng.

Bằng chữ: Chín nghìn tám trăm bốn mươi bảy tỷ năm trăm triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 984.750.022

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN DUY HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 10/09/1962

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Văn Phòng Công Chứng Bến Thành

Địa chỉ liên lạc: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CHỨNG THỰC BẢN SAO

ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 008173. Quyền số: 01 SCT/BS

Ngày: 05-04-2024



TRƯỜNG PHÒNG
Phó, Trưởng Phòng

Cù Thành Đức

Phạm Thị Ngọc Phương

BẢN SAO

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0301955155

Đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 04 năm 2000

Đăng ký thay đổi lần thứ: 30, ngày 21 tháng 04 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SSI SECURITIES CORPORATION

Tên công ty viết tắt: SSI

2. Địa chỉ trụ sở chính

72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 3824 2897

Fax: (84-28) 3824 2997

Email: info@ssi.com.vn

Website: <http://www.ssi.com.vn>

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 15.011.301.370.000 đồng.

Bằng chữ: Mười lăm nghìn không trăm mười một tỷ ba trăm lẻ một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.501.130.137

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN DUY HÙNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 10/09/1962 Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú: Văn Phòng Công Chứng Bến Thành

97-99-101 Nguyễn Công Trứ, Quận 1

Địa chỉ liên lạc: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số chứng thực: 0300270 Quyền số: 01 SCT/BS

Ngày: 03-04-2024



Công chứng viên



TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Trung Chánh

Dinh Quyết Chiến

BẢN SAO

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0301955155

Đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 04 năm 2000

Đăng ký thay đổi lần thứ: 31, ngày 28 tháng 05 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SSI SECURITIES CORPORATION

Tên công ty viết tắt: SSI

2. Địa chỉ trụ sở chính

72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 3824 2897

Fax: (84-28) 3824 2997

Email: info@ssi.com.vn

Website: <http://www.ssi.com.vn>

3. Vốn điều lệ: 15.111.301.370.000 đồng.

Bằng chữ: Mười lăm nghìn một trăm mười một tỷ ba trăm lẻ một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.511.130.137

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN DUY HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 10/09/1962

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc: Văn Phòng Công Chứng Bến Thành
72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam 97-99-101 Nguyễn Công Trứ, Quận 1

CHỨNG THỰC BẢN SAO

ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 014219 Quyển số: 01 SCT/BS

Ngày: 05-06-2024

Công chứng viên



Phạm Thị Ngọc Phương Hồ Hoàng Sơn

BẢN SAO

**BỘ TÀI CHÍNH
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5524/UBCK-QLKD
V/v báo cáo tỷ lệ sở hữu NN

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2015

Kính gửi: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

Ngày 26/8/2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã nhận được Tài liệu báo cáo về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty, UBCKNN có ý kiến như sau:

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán (Nghị định số 60/2015/NĐ-CP) và Tài liệu báo cáo của Công ty, UBCKNN không phản đối việc áp dụng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 100% theo quy định của pháp luật kể từ ngày Nghị định số 60/2015/NĐ-CP có hiệu lực. Trong trường hợp nếu Điều lệ công ty có quy định một tỷ lệ sở hữu nước ngoài khác thì Công ty phải thực hiện theo Điều lệ công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan. Điều kiện, tỷ lệ sở hữu của mỗi tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Công ty phải đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP.

UBCKNN thông báo để Công ty biết và tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch (để b/c);
- HSX, VSD (để phối hợp);
- Lưu: VT, QLKD, 06.

Văn Phòng Công Chứng Bến Thành

97-99-101 Nguyễn Công Trứ, Quận 1

CHỨNG THỰC BẢN SAO

ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 008174 Quyển số: 01 SCT/BS

Ngày: 05-04-2024

Công chứng viên



TL. CHỦ TỊCH

KT. VỤ TRƯỞNG VỤ QUẢN LÝ KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

PHÓ VỤ TRƯỞNG



Hoàng Phú Cường

Phạm Thị Ngọc Phượng

BẢN SAO

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
Chi nhánh TP Hà Nội

Số: 2787 - NHCT CVHN
V/v: Xác nhận tài khoản phong tỏa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hà Nội trân trọng cảm ơn Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") đã tin tưởng sử dụng dịch vụ của Ngân hàng chúng tôi.

Ngân hàng xác nhận đã thực hiện mở tài khoản phong tỏa cho Công ty với các thông tin như sau:

- Tên chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
- Số tài khoản: 143001536941
- Tại Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hà Nội
- Đồng tiền: VND
- Ghi chú về tài khoản:
 1. Căn cứ Đề nghị ngày 15/7/2024 của Công ty gửi cho Ngân hàng chúng tôi, tài khoản trên sẽ được phong tỏa từ ngày 15/7/2024 nhằm mục đích để nhận tiền mua cổ phiếu từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/12/2023 và số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2024 của Công ty.
 2. Tài khoản này chỉ được giải tỏa khi Công ty nhận được thông báo bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được báo cáo kết quả chào bán.

Trân trọng.

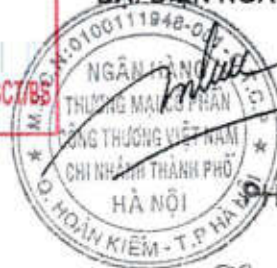
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG PHAN XUÂN
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 20-08-2024

11502

Số chứng thực: Quyền số: 01 SCT/BS

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG



PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Ngọc Diệp



CÔNG CHỨNG VIÊN
Phan Thị Thúy Nga

BẢN SAO

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

Báo cáo tình hình sử dụng vốn
thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo giấy chứng nhận
đăng ký chào bán ra công chúng số 161/GCN-UBCK ngày 3 tháng 6 năm
2022 ("Báo cáo tình hình sử dụng vốn") cho giai đoạn từ ngày 12 tháng 8
năm 2022 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022



Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn từ ngày 12 tháng 8 năm 2022 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022	6 - 9
Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn từ ngày 12 tháng 8 năm 2022 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022	10

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép Thành lập công ty cổ phần số 3041/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301955155 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 5 tháng 4 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh. Công ty hoạt động theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 4 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 6.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 25 tháng 8 năm 2022, tổng vốn điều lệ của Công ty là 14.911.301.370.000 VND.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là môi giới chứng khoán, tư vấn chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán, cho vay giao dịch kỳ quỹ chứng khoán, ứng trước tiền bán chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh.

Công ty có trụ sở chính tại số 72 đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Tại ngày 25 tháng 8 năm 2022, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp, ba (03) công ty con sở hữu gián tiếp và hai (02) công ty liên kết.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày được bầu</u>
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Được bầu lại ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Hồng Nam	Ủy viên	Được bầu lại ngày 25 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Duy Khánh	Ủy viên	Được bầu lại ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Hironoki Oka	Ủy viên	Được bầu lại ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Việt Muôn	Ủy viên	Được bầu ngày 25 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Quốc Cường	Ủy viên	Được bầu ngày 7 tháng 5 năm 2022

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày được bầu</u>
Ông Phạm Việt Muôn	Trưởng Ủy ban	Được bầu ngày 18 tháng 7 năm 2022
Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên	Được bầu ngày 18 tháng 7 năm 2022

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Hồng Nam	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2020

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Hưng, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Hồng Nam – Tổng Giám đốc được ông Nguyễn Duy Hưng ủy quyền ký Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn từ ngày 12 tháng 8 năm 2022 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022 theo Giấy Ủy quyền số 09/2020/UQ-SSI của Chủ tịch HĐQT ngày 1 tháng 8 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") trình bày báo cáo này và Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo giấy chứng nhận đăng ký chào bán ra công chúng số 161/GCN-UBCK ngày 3 tháng 6 năm 2022 ("Báo cáo tình hình sử dụng vốn") cho giai đoạn từ ngày 12 tháng 8 năm 2022 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2022. Trong quá trình lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Tuân thủ các yêu cầu của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán trong việc lập và sử dụng Báo cáo tình hình sử dụng vốn;
- Chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình sử dụng vốn của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác;
- Chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính làm cơ sở cho các số liệu trích dẫn trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2022 trên cơ sở tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập và trình bày phù hợp với cơ sở lập báo cáo được trình bày tại *Thuyết minh số 1 – Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn*.



Ông Nguyễn Hồng Nam
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 9 năm 2022



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: **07294 04**SCT/BS
Ngày: **18-04-2024**
Công chứng viên

Nguyễn Thanh Lợi



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 60755007/66800586-BCSDV1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo giấy chứng nhận đăng ký chào bán ra công chúng số 161/GCN-UBCK ngày 3 tháng 6 năm 2022 (sau đây gọi chung là "Báo cáo tình hình sử dụng vốn") cho giai đoạn từ ngày 12 tháng 8 năm 2022 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") được lập ngày 22 tháng 9 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 10, bao gồm Báo cáo tình hình sử dụng vốn và bản thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn từ ngày 12 tháng 8 năm 2022 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022. Báo cáo này được lập trên cơ sở lập báo cáo được trình bày tại *Thuyết minh số 1 – Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn*.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn từ ngày 12 tháng 8 năm 2022 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Công ty phù hợp với *Thuyết minh số 1 – Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn* và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng vốn dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn từ ngày 12 tháng 8 năm 2022 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022 đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với *Thuyết minh số 1 – Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn*.



Building a better
working world

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến cơ sở lập báo cáo được trình bày tại *Thuyết minh số 1 - Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn* của Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn từ ngày 12 tháng 8 năm 2022 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022. Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn từ ngày 12 tháng 8 năm 2022 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022 này được lập để giúp Công ty đáp ứng theo các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

Theo đó, Báo cáo tình hình sử dụng vốn này được sử dụng để Công ty nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng và công bố thông tin. Vì thế, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng vào mục đích hay để báo cáo cho đối tượng nào khác.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2400-2018-004-1

Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3847-2021-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 9 năm 2022

Công ty Cổ phần Chứng khoán
SSI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../.....

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp số 161/GCN-UBCK ngày 3 tháng 6 năm 2022)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
2. Địa chỉ trụ sở chính: 72 đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
3. Điện thoại: (028) 3824 2897
Fax: (028) 3824 2997
4. Vốn điều lệ: 14.911.301.370.000 VND (tại ngày 25 tháng 8 năm 2022)
5. Mã cổ phiếu: SSI
6. Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hà Nội
Số tài khoản: 118620777999

7. Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép Thành lập công ty cổ phần số 3041/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301955155 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 5 tháng 4 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh. Công ty hoạt động theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 4 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là môi giới chứng khoán, tư vấn chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán, cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán, ứng trước tiền bán chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (tiếp theo)
cho giai đoạn từ ngày 12 tháng 8 năm 2022 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022

II. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH

1.	Tên cổ phiếu phát hành:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
2.	Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
3.	Mệnh giá:	10.000 VND
4.	Số lượng chứng khoán đã chào bán:	496.380.115 cổ phiếu
5.	Tổng vốn đã huy động:	7.445.701.725.000 VND (Bảy nghìn bốn trăm bốn mươi lăm tỷ bảy trăm linh một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng)
6.	Tổng chi phí:	73.100.000 VND
7.	Tổng thu ròng từ đợt chào bán:	7.445.628.625.000 VND
8.	Ngày bắt đầu chào bán:	01/07/2022
9.	Ngày kết thúc chào bán:	09/08/2022
10.	Thời hạn đăng ký mua và nộp tiền:	Đối với cổ đông hiện hữu: Từ ngày 01/07/2022 đến ngày 25/07/2022 Đối với phần xử lý cổ phiếu không đặt mua hết: Từ ngày 08/08/2022 đến 15h00 ngày 09/08/2022

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (tiếp theo)
cho giai đoạn từ ngày 12 tháng 8 năm 2022 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022

III. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 161/GCN-UBCK như sau:

Tài khoản nhận tiền	118620777999 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hà Nội
Ngày nhận tiền	Từ 01/07/2022 đến 09/08/2022
Ngày tiền được giải tỏa	12/08/2022
Tổng tiền thu được (VND)	7.445.701.725.000
Trừ: chi phí phát hành (VND)	73.100.000
Tổng tiền ròng thu được từ đợt chào bán (VND)	7.445.628.625.000

Theo phương án sử dụng vốn nêu tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 1 năm 2022 ("Nghị quyết số 1") và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 7 tháng 5 năm 2022 ("Nghị quyết số 2") thì (i) Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để bổ sung vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán; và (ii) Trong thời gian chưa sử dụng cho vay giao dịch ký quỹ, nguồn tiền sẽ được sử dụng để đầu tư trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi để đảm bảo sử dụng nguồn vốn hiệu quả.

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (tiếp theo)
cho giai đoạn từ ngày 12 tháng 8 năm 2022 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022

III. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN (tiếp theo)

2. Tình hình sử dụng vốn thực tế của Công ty

Theo phương án sử dụng vốn nêu tại Nghị quyết số 1 và Nghị quyết số 2, trong giai đoạn từ ngày 12 tháng 8 năm 2022 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022, số tiền thu được từ đợt phát hành đã được sử dụng để đầu tư vào hoạt động cho vay giao dịch kỳ quỹ chứng khoán phù hợp với mục đích sử dụng vốn đã nêu tại Nghị quyết.

STT	Nội dung	Số tiền (VND)	Thời gian sử dụng
1	Đầu tư cho vay giao dịch kỳ quỹ chứng khoán (*)	7.445.628.625.000	Từ ngày 12/8/2022 đến ngày 25/8/2022
	Tổng cộng số tiền đã sử dụng	7.445.628.625.000	
	Số dư còn lại tại ngày 25/8/2022 của tài khoản phong tỏa	-	

(*) Trong giai đoạn từ ngày 12 tháng 8 năm 2022 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022, tổng số tiền Công ty đã giải ngân cho vay giao dịch kỳ quỹ chứng khoán cho khách hàng là 7.487.199.324.227 VND, trong đó 7.445.628.625.000 VND được sử dụng từ nguồn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.

3. Những thay đổi (nếu có): Không

4. Lý do thay đổi (nếu có): Không

5. Báo cáo tình hình sử dụng vốn được công bố thông tin tại: Thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Người lập biểu:

Bà Nguyễn Thị Hải Anh
Người lập

Người kiểm soát:

Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hồng Nam
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 9 năm 2022

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

cho giai đoạn từ ngày 12 tháng 8 năm 2022 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022

I. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

1. Mục đích sử dụng báo cáo

Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn từ ngày 12 tháng 8 năm 2022 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022 được lập cho mục đích báo cáo và công bố thông tin về việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng với số tiền 7.445.701.725.000 VND theo các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, cổ phiếu được chào bán từ ngày 1 tháng 7 năm 2022 đến ngày 9 tháng 8 năm 2022.

Báo cáo tình hình sử dụng vốn này là một trong các tài liệu được sử dụng để Công ty nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng. Vì thế, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng vào mục đích khác.

2. Cơ sở lập báo cáo

Số tiền đầu tư vào hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán được xác định bằng số tiền Công ty đã giải ngân vào tài khoản tiền gửi của nhà đầu tư từ tài khoản phong tỏa trong trong giai đoạn từ ngày 12 tháng 8 năm 2022 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022.

3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn từ ngày 12 tháng 8 năm 2022 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022 trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND").

Người lập biểu:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Thị Hải Anh
Người lập

Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Hồng Nam
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 9 năm 2022

BẢN SAO



EY

Building a better
working world

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY: 23-05-2024

SỐ CHỨNG THỰC: 19334 - QUYỀN SỞ: 01 - SCT/BS

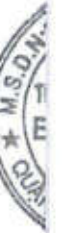


CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

Báo cáo tình hình sử dụng vốn
thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động
("Báo cáo tình hình sử dụng vốn")



Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	6 - 9
Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	10

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép Thành lập công ty cổ phần số 3041/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301955155 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 5 tháng 4 năm 2000 và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Công ty hoạt động theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 4 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 6.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 16 tháng 05 năm 2024, tổng vốn điều lệ của Công ty là 15.111.301.370.000 VND theo giấy phép điều chỉnh số 36/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 05 năm 2024.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán, ứng trước tiền bán chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh.

Công ty có trụ sở chính tại số 72 đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 26 tháng 4 năm 2024, Công ty có các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Tại ngày 26 tháng 4 năm 2024, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp và hai (02) công ty con sở hữu gián tiếp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày được bầu</u>
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Được bầu lại ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Hồng Nam	Thành viên	Được bầu lại ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên	Được bầu lại ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Hironoki Oka	Thành viên	Được bầu lại ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Việt Muôn	Thành viên	Được bầu lại ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên	Được bầu ngày 7 tháng 5 năm 2022

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày được bầu</u>
Ông Phạm Việt Muôn	Trưởng Ủy ban	Được bầu lại ngày 16 tháng 5 năm 2024
Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên	Được bầu ngày 18 tháng 7 năm 2022

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Hồng Nam	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2020
Ông Nguyễn Đức Thông	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Hưng, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Hồng Nam – Tổng Giám đốc được ông Nguyễn Duy Hưng ủy quyền ký báo cáo tình hình sử dụng vốn này theo Giấy Ủy quyền số 09/2020/UQ-SSI của Chủ tịch HĐQT ngày 01 tháng 8 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") trình bày báo cáo này và Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("Báo cáo tình hình sử dụng vốn").

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Trong quá trình lập báo cáo tình hình sử dụng vốn này, Ban Tổng giám đốc cần phải:

- Tuân thủ các yêu cầu của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán trong việc lập và sử dụng Báo cáo sử dụng vốn;
- Chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình sử dụng vốn của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác;
- Chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính làm cơ sở cho các số liệu trích dẫn trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trên cơ sở tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập và trình bày phù hợp với cơ sở lập báo cáo được trình bày tại *Thuyết minh số 1 – Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn*.



Ông Nguyễn Hồng Nam
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 5 năm 2024

Số tham chiếu: 11542143/E-66982547-BCSDV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (sau đây gọi chung là "Báo cáo tình hình sử dụng vốn") của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") được lập ngày 17 tháng 5 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 10, bao gồm Báo cáo tình hình sử dụng vốn và bản thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Báo cáo này được lập trên cơ sở lập báo cáo được trình bày tại *Thuyết minh số 1 – Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn* thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty phù hợp với *Thuyết minh số 1 – Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn* và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng vốn dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với *Thuyết minh số 1 – Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn*.

Vấn đề cần nhấn mạnh


Chúng tôi lưu ý người đọc đến cơ sở lập báo cáo được trình bày tại *Thuyết minh số 1 - Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn* của Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động này được lập để giúp Công ty đáp ứng theo các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

Theo đó, báo cáo tình hình sử dụng vốn này được sử dụng để Công ty nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để đăng ký, bổ sung các hồ sơ phát hành, chào bán cổ phiếu của Công ty và công bố thông tin. Vì thế, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng vào mục đích hay để báo cáo cho đối tượng nào khác.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1



Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3847-2021-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 5 năm 2024

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../.....

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2024

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN
THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA
CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG**

(Theo Công văn số 2636/UBCK-QLKD ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
2. Địa chỉ trụ sở chính: 72 đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
3. Điện thoại: (028) 3824 2897
Fax: (028) 3824 2997
4. Vốn điều lệ: 15.111.301.370.000 VND
5. Mã cổ phiếu: SSI
6. Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Số tài khoản: 1190380195

7. Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép Thành lập công ty cổ phần số 3041/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301955155 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 5 tháng 4 năm 2000 và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Công ty hoạt động theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 4 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán, ứng trước tiền bán chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (tiếp theo)
thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động

II. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH

1.	Tên cổ phiếu phát hành:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
2.	Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
3.	Mệnh giá:	10.000 VND
4.	Số lượng chứng khoán đã phát hành:	10.000.000 cổ phiếu
5.	Tổng vốn đã huy động:	100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng).
6.	Tổng chi phí:	- VND
7.	Tổng thu ròng từ đợt phát hành:	100.000.000.000 VND
8.	Ngày phát hành:	16/4/2024
9.	Ngày bắt đầu đợt phát hành:	03/4/2024
10.	Ngày kết thúc đợt phát hành:	16/4/2024
11.	Thời hạn đăng ký mua và nộp tiền:	Từ ngày 3/4/2024 đến 15:00 ngày 16/4/2024

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (tiếp theo)
thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động

III. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH

1. Số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động như sau:

Tài khoản nhận tiền	143001536831 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP Hà Nội
Ngày nhận tiền	Từ ngày 03/4/2024 đến 16/4/2024
Ngày tiền được giải tỏa	26/4/2024
Tổng tiền thu được (VND)	100.000.000.000
Trừ: chi phí phát hành (VND)	-
Tổng tiền ròng thu được từ đợt phát hành (VND)	<u>100.000.000.000</u>

Theo phương án sử dụng vốn nêu tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 thì tổng số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng để bổ sung thêm vốn lưu động cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (tiếp theo)
thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động

III. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH (tiếp theo)

2. Tình hình sử dụng vốn thực tế của Công ty

Tại ngày 26 tháng 4 năm 2024, toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động đã được chuyển sang tài khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng VND số 1190380195 của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Sau đó, toàn bộ số tiền này được chuyển vào tài khoản tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán số 1190051570 của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, là tài khoản chuyên dụng được mở với mục đích quản lý tiền gửi của nhà đầu tư kinh doanh chứng khoán được nêu rõ tại hợp đồng quản lý tài khoản tiền gửi chuyên dụng số 01/2019/HĐQLTK, để thực hiện các nghiệp vụ phát sinh giữa Công ty với Nhà đầu tư, phù hợp với mục đích là bổ sung thêm vốn lưu động cho Công ty như đã được nêu tại Nghị quyết ĐHCĐ số 01/2023/NQ-ĐHCĐ.

Biến động số dư tài khoản 1190051570 trong ngày 26 tháng 4 năm 2024 như sau:

Đơn vị: VND

<u>Số dư đầu ngày</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Số dư cuối ngày</u>
5.975.015.641	109.132.487.824	102.605.877.000	12.501.626.465

3. Những thay đổi (nếu có): Không

4. Lý do thay đổi (nếu có): Không

5. Báo cáo tình hình sử dụng vốn được công bố thông tin tại: Thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật (nếu có).

Người lập biểu:

Người kiểm soát:



Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Thị An Vi
Người lập

Bà Nguyễn Thị Hải Anh
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Hồng Nam
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 5 năm 2024

Công ty Cổ phần Chứng khoán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động

I. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

1. Mục đích sử dụng báo cáo

Báo cáo tình hình sử dụng vốn này được lập cho mục đích báo cáo và công bố thông tin về việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với số tiền 100.000.000.000 VND theo các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, cổ phiếu được phát hành từ ngày 03 tháng 4 năm 2024 đến ngày 16 tháng 4 năm 2024.

Báo cáo tình hình sử dụng vốn này là một trong các tài liệu được sử dụng để Công ty nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để đăng ký, bổ sung các hồ sơ phát hành, chào bán cổ phiếu của Công ty và công bố thông tin (nếu có). Vì thế, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng vào mục đích khác.

2. Cơ sở lập báo cáo

Biến động số dư tài khoản 1190051570 tại ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Công ty được cung cấp bởi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa.

3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND").

Người lập biểu:

Bà Nguyễn Thị An Vi
Người lập

Người kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Hải Anh
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hồng Nam
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 5 năm 2024

